



MECHANICAL & INDUSTRIAL CONSTRUCTION J.S.C



Báo cáo thường niên

2013

Báo cáo thường niên

2013

Mục Lục

THÔNG TIN CHUNG	1-18
Thông tin khái quát	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	
Định hướng phát triển	
Các rủi ro	
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	15-26
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tình hình hoạt động đầu tư	
Tình hình tài chính	
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	27-34
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tình hình tài chính	
Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	
Kế hoạch phát triển trong năm 2014	

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **35-40**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ **41-52**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban Tổng giám đốc

Thay đổi trong HĐQT, BTGD, BKS

Tình hình nhân sự

QUẢN TRỊ CÔNG TY **53-60**

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **61**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



CTCP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

MECHANICAL & INDUSTRIAL CONSTRUCTION J.S.C



Báo cáo thường niên

2013

Mục Lục

THÔNG TIN CHUNG

1-18

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

15-26

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

27-34

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong năm 2014

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

35-40

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

41-52

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban Tổng giám đốc

Thay đổi trong HĐQT, BTGD, BKS

Tình hình nhân sự

QUẢN TRỊ CÔNG TY

53-60

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

61

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG

IMECO

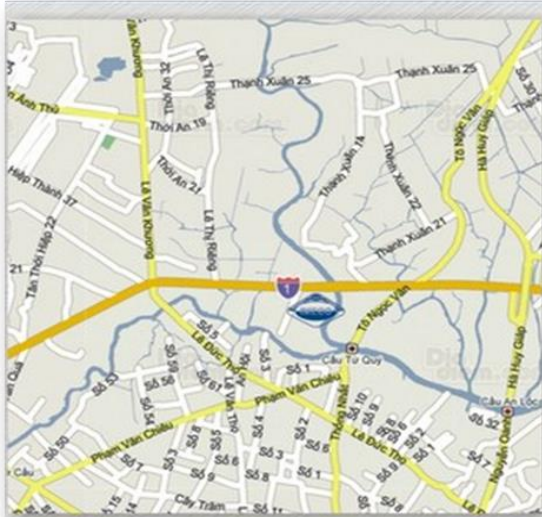
LUÔN VÌ LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG CÙNG PHÁT TRIỂN

IMECO ALWAYS SEEKS TO DEVELOPMENT FOR THE SAKE OF THE CUSTOMER

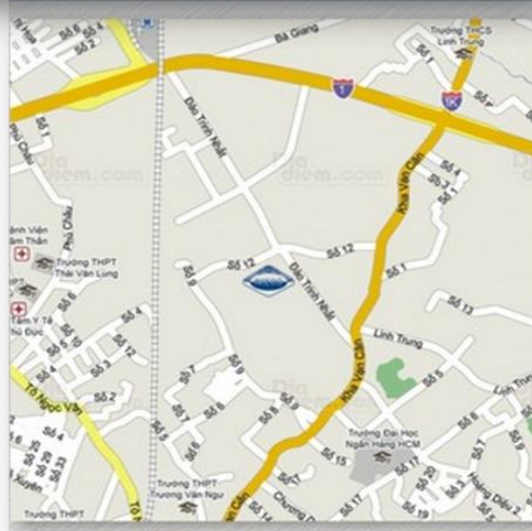


CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP
Mechanical & Industrial Construction J.S.C.

www.imecovn.com.vn



TRỤ SỞ - HEAD OFFICE



NHÀ MÁY - FACTORY



TÂM NHÌN

Trở thành đơn vị Cơ khí mạnh tại Việt Nam

Nâng cao uy tín trên thị trường thế giới.

Đưa thương hiệu sản phẩm IMECO đến với mọi công trình.

SỨ MỆNH

Mang lại cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất theo phương châm

“IMECO vì lợi ích khách hàng cùng phát triển”.





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP
Tên giao dịch	MECHANICAL AND INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	IMECO JSC
Giấy CNĐKDN số	0300628797 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 13/04/2012
Vốn điều lệ	35.999.480.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.999.480.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)
Địa chỉ	929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-8) 37 17 3554 (84-8) 37 17 3237 (84-8) 37 17 3238
Số fax	(84-8) 37 17 3454 (84-8) 37 17 3452
Website	www.imecovn.com.vn
Email	imeco@hcm.vnn.vn
Mã cổ phiếu	IME

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

“ Khởi nghiệp từ Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình chuyên chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, gia công cơ khí phục vụ cho Ngành Bột ngọt Mì ăn liền vào năm 1979, đến nay Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) là một trong những công ty tiêu biểu trong ngành cơ khí của Việt Nam. ”

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được thành lập vào ngày 20/08/1979, là tiền thân của Xí Nghiệp Cơ điện Tân Bình - thành viên Liên hiệp Bột ngọt Mì ăn liền, trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực phẩm.

1979

Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công Nghiệp Nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ Khí - Thực Phẩm theo Quyết định số 524/CNN-TCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công Nghiệp Nhẹ. Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ khí Thực phẩm được thành lập theo Quyết định số 448/CNn-TCLĐ của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.

1987-1993

Theo Quyết định số 1409/QĐ-TCCB của Bộ Công Nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí thực phẩm.

1996

Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty máy và Thiết bị Công nghiệp.

1999

Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

2004

Tháng 7/2005 theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp, Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp theo Giấy CNĐKKD: 0300628797 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp ngày 16/01/2006 và thay đổi lần 4 ngày 13/04/2012.

2005

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) chính thức đưa cổ phiếu công ty giao dịch tập trung tại sàn UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009. Mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã đưa toàn bộ 3.599.948 cổ phần phổ thông vào giao dịch tập trung tại sàn UPCOM.

2009

IMECO LUÔN VÌ LỢI ÍCH
KHÁCH HÀNG CÙNG
PHÁT TRIỂN

“

Sau hơn 27 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào tháng 7/2005. Đến nay, trải qua chặng đường hơn 8 năm sau chuyển đổi, IMECO đã và đang khẳng định vị thế, uy tín của mình trong ngành cơ khí nói chung cũng như trong niềm tin từ phía đối tác, cổ đông của mình nói riêng.

”

Thành tích trong quá trình hoạt động



- » Huân chương lao động hạng II do nhà nước trao tặng năm 2009
- » Bảng khen của Bộ Công Thương trao tặng năm 2006, 2008, 2009
- » Bảng khen của UBND thành phố HCM năm 2007
- » Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng năm 2008
- » Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liền từ năm 2006 – 2010
- » Bảng khen của Công đoàn TP.HCM năm 2006, 2009
- » Bảng khen của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2008
- » Cờ thi đua của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2007, 2010
- » IMECO được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC 100 TQM” của tổ chức BID tại Geneva Thụy Sĩ năm 2009
- » Cúp thương hiệu mạnh do Bộ Công Thương trao tặng năm 2010
- » Cờ thi đua của Bộ Công Thương trao tặng năm 2011
- » Bảng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2012



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- » Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- » Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- » Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV;
- » Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- » Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- » Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- » Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- » Xử lý nước thải;
- » Kinh doanh bất động sản.

Chế tạo cơ khí là hoạt động chủ lực của Công ty.



Địa bàn kinh doanh



IMECO có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng hoạt động mạnh mẽ trên địa bàn các tỉnh phía Nam, và là đối tác của rất nhiều những doanh nghiệp thuộc khu vực Châu Á, Châu Âu.

Các sản phẩm của IMECO chủ yếu được xuất ra thị trường các nước Châu Á và Châu Âu và chiếm tỷ trọng trên 75% doanh thu của công ty.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, IMECO đang nỗ lực để giới thiệu và cung cấp những sản phẩm của mình đến với khách hàng không chỉ ở miền Nam mà cả những tỉnh thành khác trong phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam và đẩy mạnh xuất khẩu ra các khu vực khác trên Thế giới.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



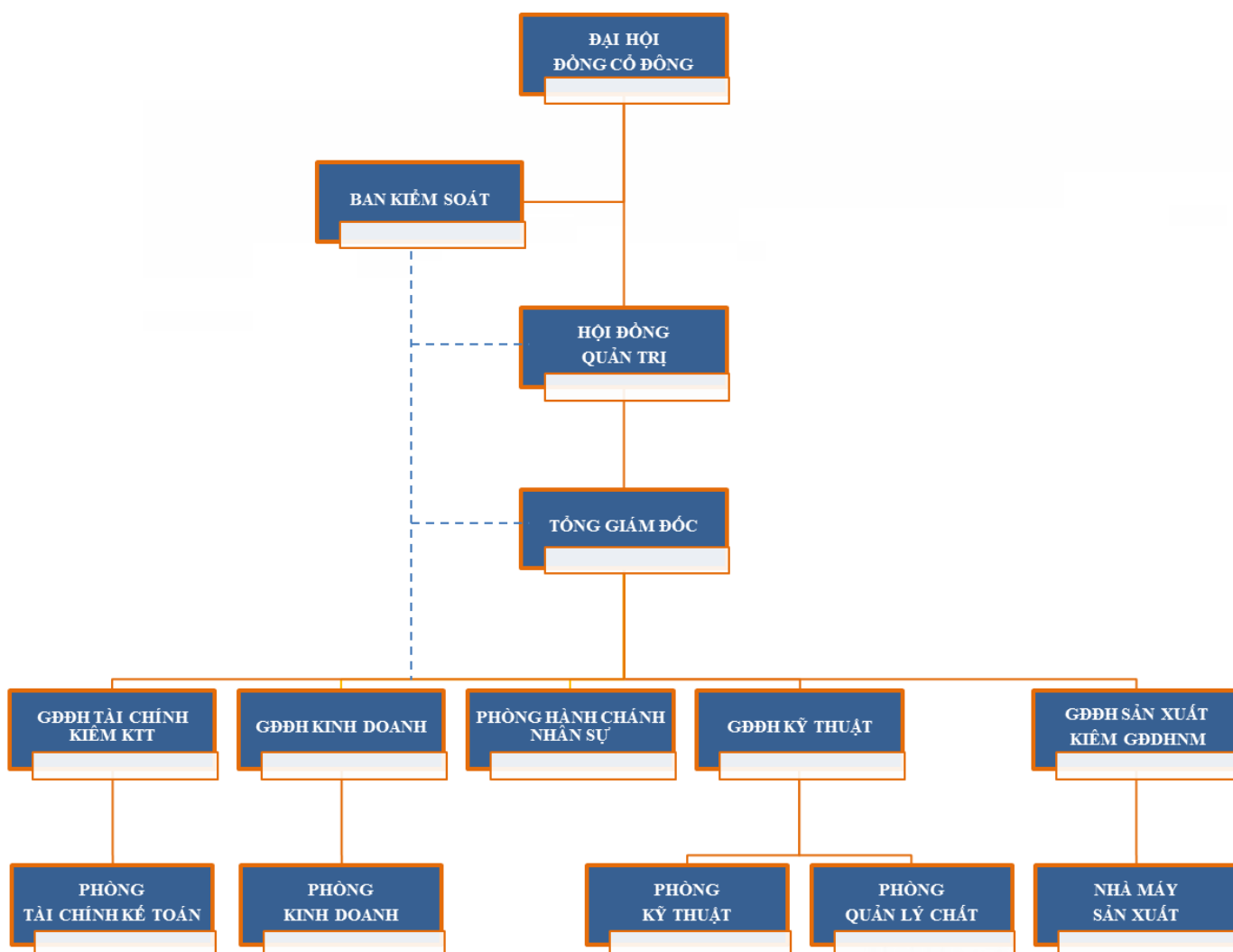
IMECO đang hoạt động theo mô hình quản trị công ty cổ phần, bao gồm các thành phần như sau:

- » Đại hội đồng cổ đông;
- » Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- » Ban kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS)
- » Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và Giám đốc nhà máy;
- » Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tài chính- Kế toán, Phòng kinh doanh, Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng;
- » Đơn vị hạch toán phụ thuộc: Nhà máy Chế tạo Thiết bị đồng bộ.

Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC- CÔNG TY IMECO

----- Quan hệ kiểm soát _____ Quan hệ chỉ đạo, điều hành trực tiếp



Công ty con, Công ty liên kết

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

◆ Về thị trường

Trong quá trình kinh tế hội nhập hiện nay, việc khẳng định thương hiệu là cần thiết với mỗi doanh nghiệp; chính vì vậy IMECO đang đẩy mạnh việc xây dựng và khẳng định thương hiệu những sản phẩm của mình. Song song đó, IMECO cũng củng cố và hoàn thiện những chiến lược kinh doanh nhằm giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng kết cấu thép, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc đi các nước Châu Âu, Châu Á... đảm bảo tỷ trọng hàng xuất khẩu tối thiểu đạt mức 75% tổng doanh thu.

◆ Về sản xuất

IMECO tiếp tục đầu tư và tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng một hệ thống sản xuất hàng cơ khí hoàn thiện, nâng cao hiệu quả sản xuất, đặc biệt chú trọng về chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

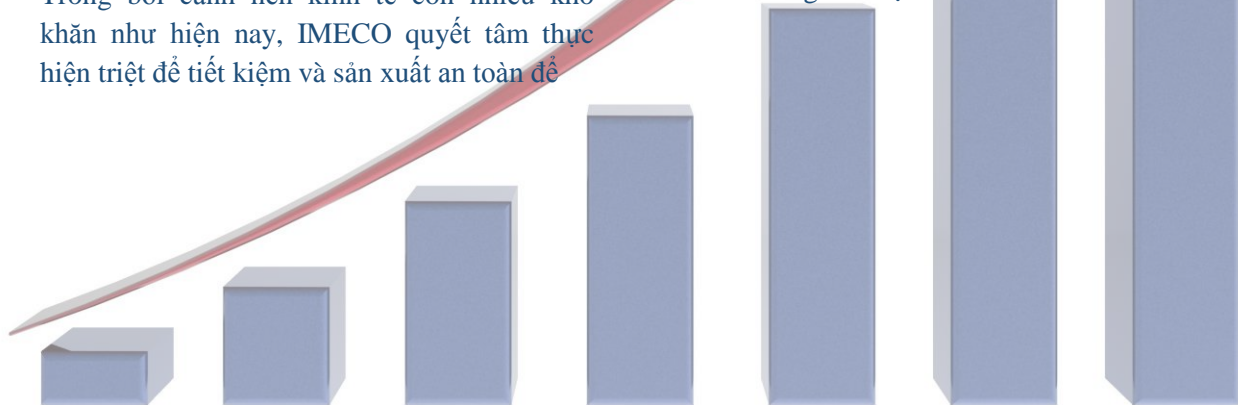
Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay, IMECO quyết tâm thực hiện triệt để tiết kiệm và sản xuất an toàn để

đảm bảo mục tiêu trong năm 2014 và những năm tiếp theo sản lượng sản xuất sẽ tăng trưởng ổn định ở mức 4500 tấn/năm.

◆ Về doanh thu và lợi nhuận

IMECO phấn đấu duy trì mức tăng trưởng ổn định từ 5% - 10%/ năm và sẽ duy trì mức tăng trưởng này ổn định trong những năm sau nhằm đảm bảo việc kinh doanh hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông cũng như những quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển cơ khí của Bộ Công thương đề ra, IMECO đã đầu tư vào chiều sâu và mở rộng năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm. Mặt hàng cơ khí luôn chiếm tỷ trọng trên 90 %, là mặt hàng chủ lực của công ty, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong những năm qua, kinh tế Thế giới biến động rất phức tạp, có nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn. Sau khi gia nhập tổ chức thương mại Thế giới WTO nền cơ khí Việt Nam nói chung và IMECO nói riêng có nhiều cơ hội để xuất khẩu sản phẩm ra thế giới. Năm bắt được cơ hội này, IMECO đã chủ động nghiên cứu các yêu cầu của sản phẩm theo các tiêu chuẩn tiên tiến của Thế giới, để hướng đầu tư nguồn lực và đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Qua từng năm, đội ngũ cán bộ và năng lực quản lý của IMECO đã lớn mạnh không ngừng, chính vì vậy từ chỗ ban đầu Công ty chỉ là đối tác của một khách hàng chính là Promecon - Đan Mạch, cho đến nay IMECO đã là đối tác tin cậy của rất nhiều khách hàng nhập khẩu sản phẩm cơ khí, góp phần vào sự tăng trưởng của Công ty, tạo ra công ăn việc làm thường xuyên đầy đủ cho 400 lao động, mặc dù đã và đang trải qua những thời kỳ vô cùng khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tài chính trên toàn Thế giới. IMECO đã chọn một hướng đi đúng đắn, đầu tư kịp thời, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tạo ra được sự khác biệt so với các doanh nghiệp cơ khí khác, nên đã không những đứng vững mà còn tạo ra được những thành tích rất đáng khích lệ trong thời gian qua.

Vì vậy, định hướng chiến lược thời gian tới vẫn phải kế thừa và phát huy những năng lực hiện có và đồng thời phải hướng đầu tư để phát triển những cơ hội tiềm năng.

◆ **Thị trường tiêu thụ**

Trong những năm qua, ngoài những khách hàng thường xuyên ở trong nước hoặc tổng thầu nước ngoài, đặt hàng theo nhu cầu đầu tư, sửa chữa hàng năm như: Sabeco, Tico, Holvierka, Ajinomoto, Baconco, Nupak, Nhiệt điện Phú Mỹ... IMECO đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều tập đoàn, công ty lớn trên Thế giới, thường xuyên đặt hàng sản phẩm cơ khí xuất khẩu. Các sản phẩm xuất khẩu đã có tính công nghệ và lặp đi lặp lại thường xuyên. Chính vì vậy, IMECO đã trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi giá trị của dây chuyền thiết bị và công nghệ. Nhu cầu hàng năm của những khách hàng trên là rất lớn, nhưng hiện nay IMECO mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ, vì hạn chế nguồn lực và thiếu nguồn cung cấp thép tại chỗ .v.v...

◆ **Đầu tư**

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cũng như đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và tạo ra sự đột phá, IMECO cần phải đầu tư nâng cấp về chiều rộng và chiều sâu để tập trung vào các mục tiêu chính sau đây:

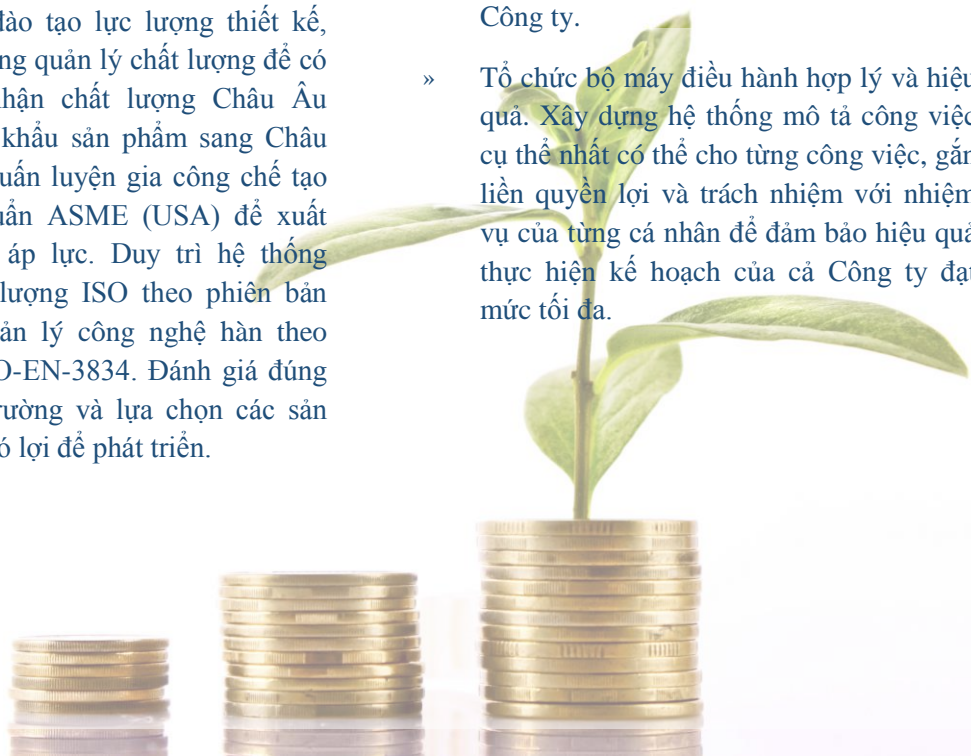
- » Xây dựng nhà máy cơ khí khả năng chế tạo thiết bị công nghiệp phụ trợ và kết cấu thép công suất đến 12.000 T/năm;
- » Chế tạo trọn gói hệ thống cung cấp và xả khí trọn gói cho các nhà máy nhiệt điện công suất đến 1.500 MW;
- » Chế tạo trọn gói chân tháp phong điện và các thiết bị phụ trợ;
- » Chế tạo trọn gói cấu kiện công trình có trọng lượng đến 2.000 T/cấu kiện;
- » Chế tạo trọn gói nhà máy bột giấy công suất 500.000 T/năm.



♦ **Biện pháp tổ chức thực hiện:**

Giai đoạn 2011-2015, IMECO cần đầu tư chiều sâu về năng lực sản xuất và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- » Nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm cơ khí có hàm lượng kỹ thuật, chất lượng cao và hiệu quả nhất; trang bị thêm máy chuyên dùng có trình độ tự động, bán tự động; bổ sung thêm cầu trục, công trục và xe nâng tăng thêm tiềm lực cơ giới hóa.
- » Đầu tư vào nguồn nhân lực, trẻ hoá đội ngũ lao động, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, kỹ luật lao động, tác phong công nghiệp cho kỹ sư và công nhân; chăm lo sức khoẻ, điều kiện làm việc, ăn ở, thu nhập ngày càng cao cho CBCNV bảo đảm sự ổn định lâu dài về lao động.
- » Tăng cường đào tạo lực lượng thiết kế, đào tạo hệ thống quản lý chất lượng để có giấy chứng nhận chất lượng Châu Âu (CE) để xuất khẩu sản phẩm sang Châu Âu; đào tạo huấn luyện gia công chế tạo theo Tiêu chuẩn ASME (USA) để xuất khẩu thiết bị áp lực. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO theo phiên bản mới nhất; Quản lý công nghệ hàn theo tiêu chuẩn ISO-EN-3834. Đánh giá đúng nhu cầu thị trường và lựa chọn các sản phẩm cơ khí có lợi để phát triển.
- » Hợp tác liên kết với các đơn vị thiết kế, cung cấp nguyên liệu, phối phẩm, bán thành phẩm, chế tạo thiết bị, xây lắp thành tổng hợp để trở thành nhà thầu hoặc tổng thầu có năng lực, đủ sức tham gia các dự án lớn về công nghiệp của chương trình đầu tư của nhà nước. Phải thực sự coi liên kết để tồn tại và phát triển. Tiếp tục quan hệ tìm thêm các đối tác nước ngoài nhằm liên kết trong SXKD để trở thành một mắt xích trong cung ứng toàn cầu. Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, kỹ thuật công nghệ cao hoặc cung ứng vật tư hàng hoá quan trọng cũng như tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- » Tổ chức bộ máy điều hành hợp lý và hiệu quả. Xây dựng hệ thống mô tả công việc cụ thể nhất có thể cho từng công việc, gắn liền quyền lợi và trách nhiệm với nhiệm vụ của từng cá nhân để đảm bảo hiệu quả thực hiện kế hoạch của cả Công ty đạt mức tối đa.



Mục tiêu đối với môi trường và xã hội

◆ *Các mục tiêu với môi trường*

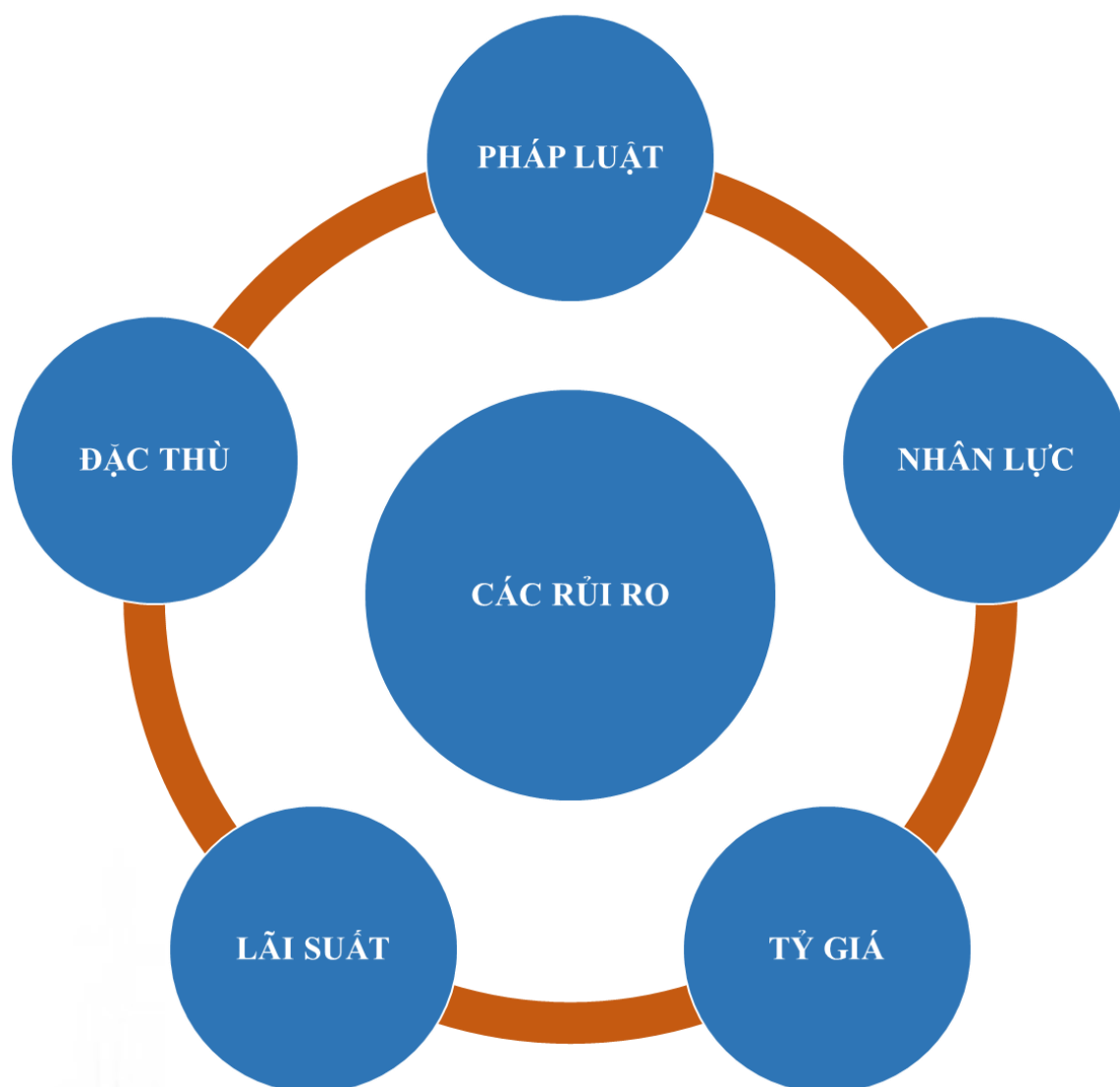
- » Luôn đảm bảo thực hiện chế độ lấy mẫu đánh giá tác động môi trường thường xuyên dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức.
- » Thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định
- » Tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

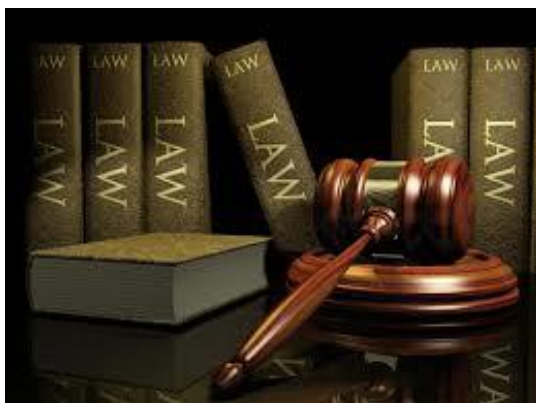
◆ *Các mục tiêu với xã hội*

- » Thực hiện đúng những quy định về việc đảm bảo chế độ chính sách đối với Cán bộ công nhân viên theo quy định của luật lao động.
- » Đảm bảo cho người lao động có một môi trường làm việc thân thiện, an toàn.
- » Nâng cao mức sống cho người lao động thông qua những chế độ phúc lợi và trợ cấp kèm theo hàng năm.



CÁC RỦI RO





Rủi ro pháp luật

Với mô hình công ty cổ phần và ngành nghề hiện tại, hoạt động của công ty chịu sự chi phối của nhiều loại văn bản pháp luật như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan; Luật đấu thầu, Luật xây dựng, .v.v...

Hệ thống văn bản pháp luật của Việt nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, đặc biệt với giai đoạn hiện nay rất nhiều sự điều chỉnh luật và văn bản dưới luật để phù hợp với giai đoạn hội nhập. Sự thay đổi của các văn bản pháp luật kể trên đều có thể tác động đến tổ chức và hoạt động của Công ty.

➤ Giải pháp

- » Cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hoạt động và pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của Công ty.
- » Hợp tác với đơn vị tư vấn doanh nghiệp, đảm bảo các thông tin đến với cổ đông, cơ quan quản lý đúng quy định.
- » Tham gia các buổi tập huấn của cơ quan ban ngành, đơn vị tư vấn.
- » Ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện các vấn đề trọng tâm như tài chính, đầu tư tài sản, công bố thông tin, v.v... để hoạt động Công ty tuân thủ quy định.

Rủi ro nguồn nhân lực

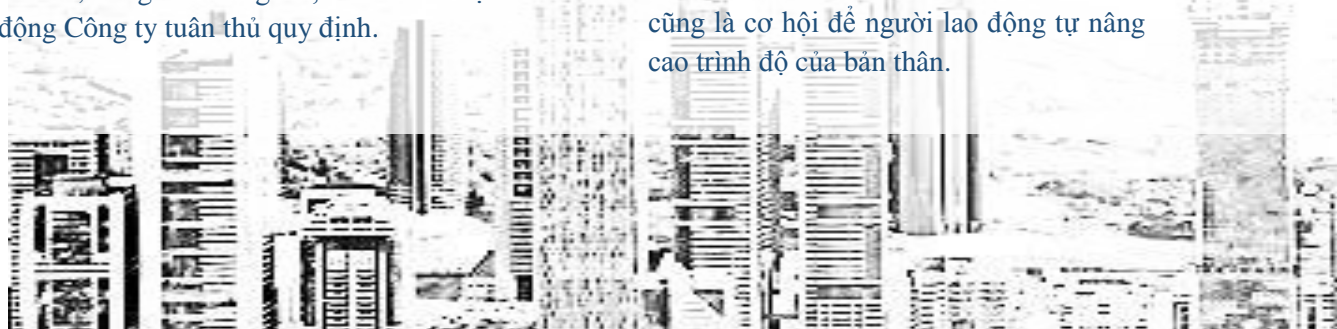
Với ngành nghề hiện nay, yêu cầu đặt ra cho công ty phải có được lực lượng kỹ sư giỏi, đội ngũ công nhân chuyên nghiệp được đào tạo nghề bài bản và có kinh nghiệm thành thạo, tay nghề vững vàng. Tuy nhiên, nguồn nhân lực trong nước hiện vẫn chưa đáp ứng được tối đa những yêu cầu trên về cả chất và lượng.

Xu hướng xuất khẩu lao động sang các nước lân cận hiện nay lại càng làm thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề trong nước.

Sự luân chuyển công việc của bộ phận công nhân sản xuất cũng là vấn đề gây rủi ro lớn cho công ty trong quá trình sản xuất

➤ Giải pháp

- » Xây dựng chính sách nhân sự không chỉ đảm bảo những yêu cầu của quy định về lao động mà còn tạo ra một môi trường làm việc đầy hấp dẫn giúp công ty giữ được rất nhiều kỹ sư tài năng, các CBCNV gắn kết lâu dài với Công ty;
- » Kết hợp với các trường đào tạo chuyên ngành chế tạo, cơ khí để tuyển chọn những sinh viên có năng lực tốt;
- » Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho CBCNV theo các tiêu chuẩn Quốc tế hoặc tiêu chuẩn do những đối tác đưa ra, đây cũng là cơ hội để người lao động tự nâng cao trình độ của bản thân.





Rủi ro tỷ giá

Hoạt động sản xuất và kinh doanh của IMECO gắn liền với các đối tác nước ngoài, nên việc thanh toán bằng nguồn ngoại tệ mua từ Ngân hàng là thường xuyên. Sự biến động của tỷ giá hối đoái USD/VND luôn được công ty theo sát.

➤ Giải pháp

Tỷ giá trong năm qua ổn định, tăng nhẹ vào khoản 1,3%, không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo luôn theo sát diễn biến của tỷ giá hối đoái, dự phòng phương án xử lý nếu có biến động lớn vì hoạt động chủ yếu của công ty hiện nay là xuất khẩu.

Rủi ro lãi suất

Công ty hiện đang sử dụng đòn bẩy tài chính để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các đơn hàng lớn. Vì vậy, lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động, gây tăng hoạt giảm lợi nhuận của công ty

➤ Giải pháp

Sử dụng vốn linh hoạt, theo dõi sát sao tình hình thanh toán hợp đồng của khách hàng, đảm bảo luân chuyển vốn nhanh đáp ứng kịp thời cho sản xuất và giảm thiểu vay vốn.

Công ty được ngân hàng đánh giá cao, là một

đơn vị hoạt động kinh doanh có hiệu quả và uy tín trong quan hệ tín dụng, do đó luôn được ngân hàng áp dụng cơ chế vay và bảo lãnh thuận lợi.

Rủi ro đặc thù

Các đối tác lớn luôn đặt ra những yêu cầu riêng về chất lượng sản phẩm, máy móc thiết bị, cơ sở vật chất, nguồn nguyên liệu, quy trình sản xuất. Nếu không đảm bảo được tiêu chuẩn, công ty có thể gặp rủi ro mất đơn hàng, chậm tiến độ hoặc không đáp ứng được chất lượng sản phẩm. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín hoạt động của công ty.

➤ Giải pháp

- » Đầu tư nâng cấp và đồng bộ máy móc để đảm bảo năng lực sản xuất lớn, thời gian thực hiện nhanh, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao của đối tác.
- » Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2008. Thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2. Chú trọng công tác nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất, phát triển các sản phẩm có giá trị cao.
- » Hợp tác với các đơn vị gia công có năng lực sản xuất theo tiêu chuẩn của các đối tác lớn để đảm bảo tiến độ thực hiện trong trường hợp cần thiết.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG



NĂM

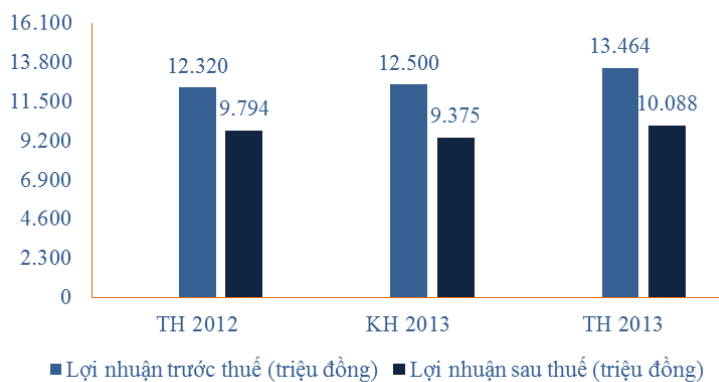


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

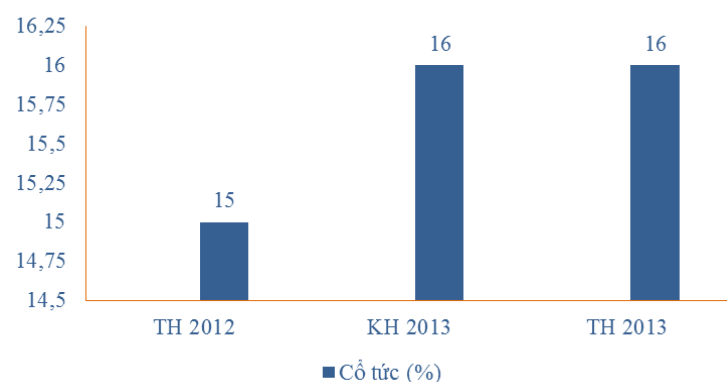
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)	
		2012 (1)	2013 (2)	2013 (3)	(3)/(2)	(3)/(1)
Giá trị TSL (Giá CĐ 1994)	Triệu đồng	92.460	96.924	97.809	100,91	105,79
Tổng doanh thu	Triệu đồng	166.569	173.410	173.785	100,22	104,33
» <i>Doanh thu xuất khẩu</i>	Triệu đồng	126.370	127.510	138.191	108,38	109,35
» <i>Doanh thu nội địa</i>	Triệu đồng	39.160	44.900	34.824	77,56	88,93
» <i>Doanh thu HĐTC</i>	Triệu đồng	1.039	1.000	770	77	74,11
Sản lượng sản xuất	Tấn	4.395	4.400	4.400	100	100,11
Giá trị xuất khẩu	1000USD	6.057	6.122	6.573	107,37	108,52
Giá trị nhập khẩu	1000USD	87	400	106	26,5	121,84
Số phải nộp NSNN	Triệu đồng	3.490	4.015	4.890	121,79	140,11
Tổng quỹ lương thực trả	Triệu đồng	37.190	39.124	39.175	100,13	123,6
Lao động bình quân	Người	450	450	432	96	96
Thu nhập bình quân (người/tháng)	1.000đ	6.900	7.250	7.557	104,23	109,52
Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	5.988	13.785	2.740	19,88	45,76
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.320	12.500	13.464	107,71	109,29
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.794	9.375	10.088	107,61	103
Cổ tức	%	15	16	16	100	106,67

LỢI NHUẬN

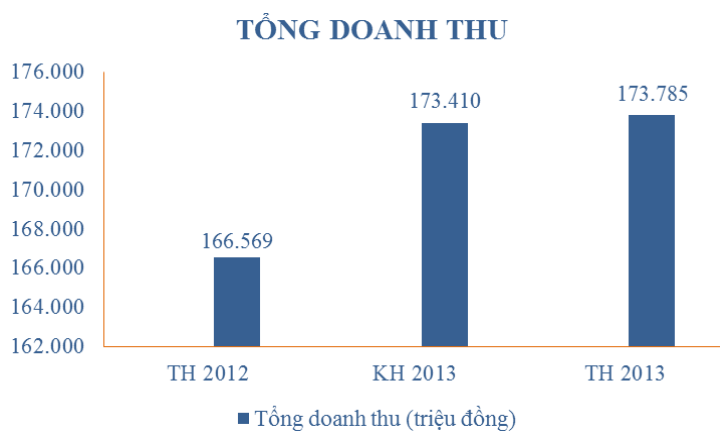


CỔ TỨC



Năm 2013, Công ty vẫn tiếp tục tập trung vào lĩnh vực cơ khí xuất khẩu, sản xuất thiết bị công nghệ có giá trị cao, cơ hội tạo ra giá trị gia tăng cho công ty và đã cải tiến được mặt quản lý chất lượng và năng suất lao động. Đặc biệt, công ty luôn quan tâm hàng đầu về yêu cầu kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, mặt hàng cơ khí chế tạo trong nước được công ty tiếp tục duy trì với các khách hàng truyền thống như ANT (Bình Định), Ajinomoto, Tico vv...

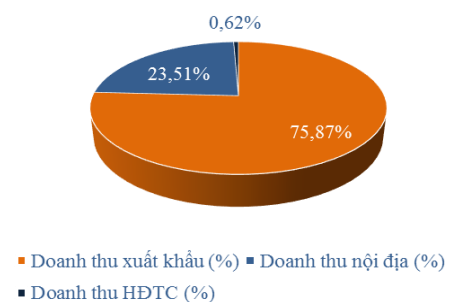


Với chiến lược trên, sản lượng năm 2013 đã đạt 4.400 tấn sản phẩm, đảm bảo cho chỉ tiêu doanh thu đạt 173,7 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch và tăng 4,32% so với năm 2012.

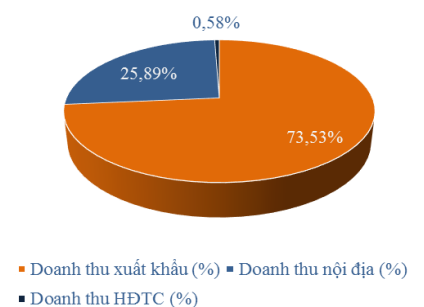
Công tác quản lý chi phí trong năm được thực hiện rất chặt chẽ từ việc khai thác cơ sở vật chất và nguồn lực khác có hiệu quả để tăng năng suất lao động, triệt để thực hành tiết kiệm, giảm thu nhập của người lao động với năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh đến việc giảm thiểu vốn vay ngân hàng, tăng vòng quay vốn. Kết quả là, so với 2012, tốc độ tăng của chi phí đã chậm hơn tốc độ tăng doanh thu.

Về lợi nhuận, Công ty đạt 10,08 tỷ lợi nhuận sau thuế, vượt 7,6% kế hoạch và 3% so với năm 2012.

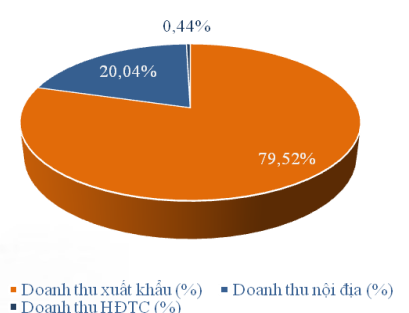
**CƠ CẤU DOANH THU THỰC HIỆN
NĂM 2012**



**CƠ CẤU DOANH THU KẾ HOẠCH
NĂM 2013**



**CƠ CẤU DOANH THU THỰC HIỆN
NĂM 2013**



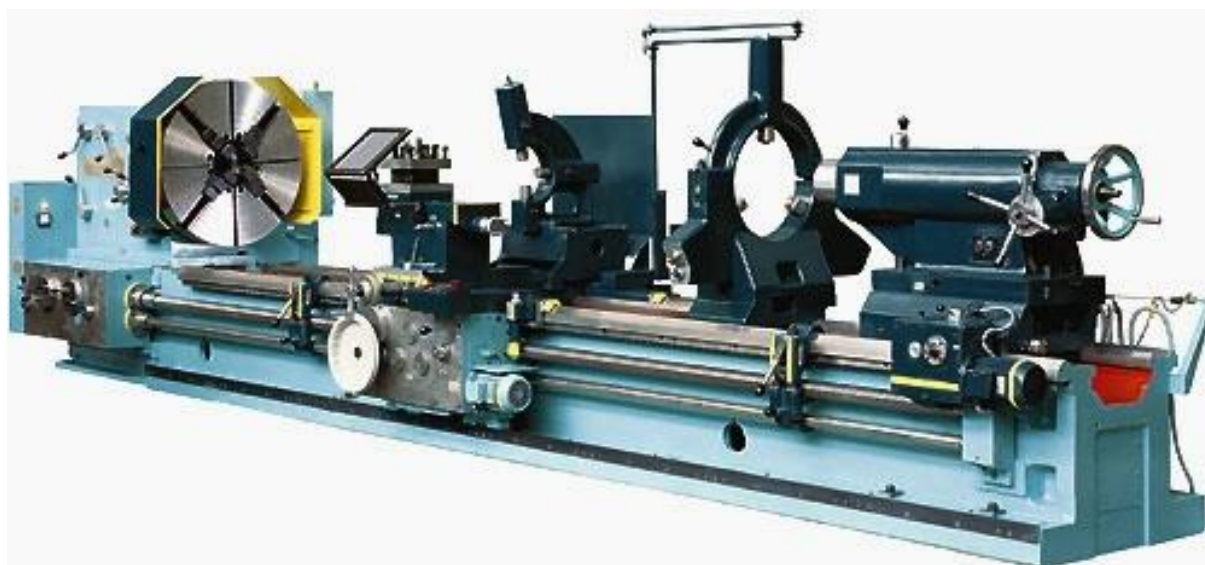
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư

IMECO đã triển khai hoạt động đổi mới trang thiết bị và máy móc trong năm 2013 để đáp ứng kịp thời nhu cầu gia tăng sản xuất. Theo những kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua, tổng vốn đầu tư trong năm dự kiến là 13,785 tỷ đồng, thế nhưng Công ty chỉ thực hiện đầu tư 2,74 tỷ đồng đạt 19,88% kế hoạch đề ra và 45.76% so với năm trước. Giá trị còn lại là 11,045 tỷ đồng Công ty sẽ chuyển sang đẩy mạnh đầu tư vào năm 2014. Phần lớn trong số chưa thực hiện được từ việc dự kiến sẽ đầu tư mua một máy tiện lớn đường kính từ 5 mét trở lên với giá 7 tỷ đồng nhưng trong năm 2013 Công ty chưa tìm được loại máy phù hợp.

Các công ty con, công ty liên kết

Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ TH/KH 2013	Tỷ lệ thực hiện 2013/2012
Tổng tài sản	92.055	93.000	91.094	97,95%	98,96%
Doanh thu thuần	165.530	173.410	173.015	99,77%	104,52%
Lợi nhuận từ HĐKD	3.032	5.650	10.419	184,41%	343,62%
Lợi nhuận khác	9.288	6.850	3.045	44,45%	32,78%
Lợi nhuận trước thuế	12.320	12.500	13.464	107,71%	109,29%
Lợi nhuận sau thuế	9.794	9.375	10.088	107,60%	103,00%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.721	2.604	2.803	107,63%	103,01%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

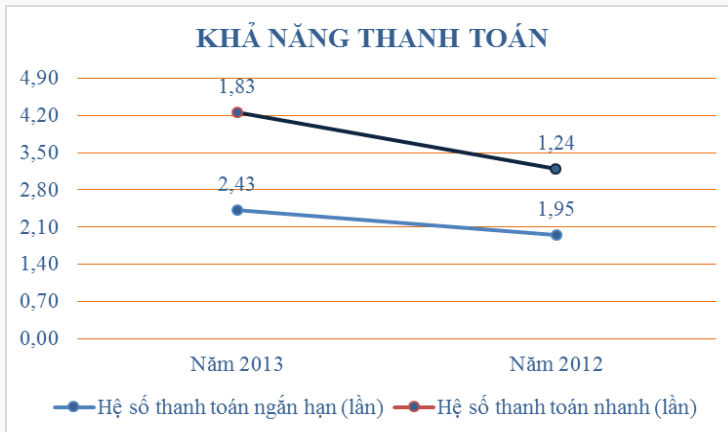
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013/2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,43	1,95	24,35%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,83	1,24	47,70%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,00%	50,71%	-5,34%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	92,32%	102,90%	-10,28%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,00	4,41	36,00%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,90	1,80	5,62%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,83%	5,92%	-1,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu BQ	%	21,76%	22,81%	-4,62%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản BQ	%	11,02%	10,01%	10,09%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,02%	1,83%	228,75%

◆ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Nợ ngắn hạn của IMECO đã giảm 20,24% so với năm 2012 là do khoản người mua trả tiền trước giảm hơn 3,5 lần trong trong các khoản mục khác tăng nhưng không đáng kể. Hàng tồn kho giảm 8,6 tỷ tương đương 30,5% so với năm trước. Thêm vào đó, những tháng cuối năm, Công ty đã thực hiện

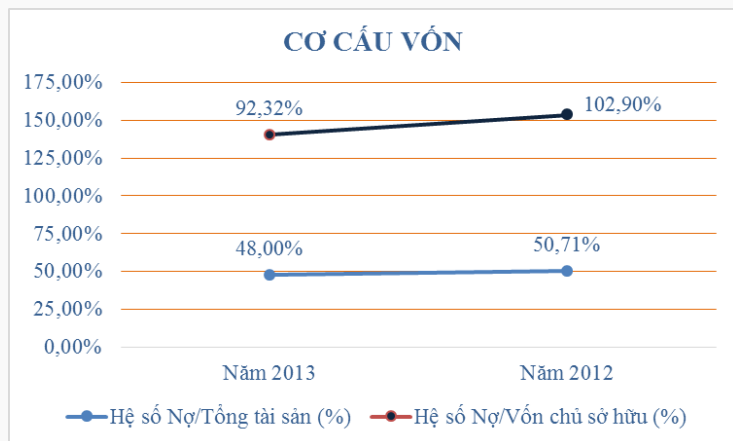
được những đơn hàng lớn nên khoản phải thu khách hàng tăng gấp đôi làm cho tài sản lưu động của công ty tăng.

Chỉ số thanh toán ngắn hạn đạt 2,43 lần, thanh toán nhanh lần đạt 1,83 lần. Cả hai chỉ số đều tăng so với năm trước lần lượt là 24,35% và 47,7%. IMECO duy trì được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và lãi vay, đảm bảo tính an toàn của hoạt động của công ty.



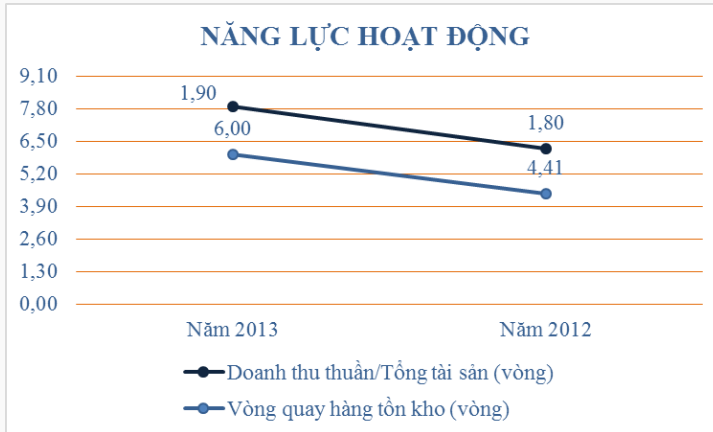
◆ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Cơ cấu vốn của Công ty đang chuyển dịch sang xu hướng giảm dần tỷ trọng nợ, sử dụng linh hoạt và tối đa nguồn vốn chủ sở hữu nhằm giảm thiểu rủi ro cũng như chi phí tài chính. Nợ hiện nay chiếm 48% tổng tài sản và 92,32% vốn chủ sở hữu Công ty. Đây là một bước tiến trong việc thực hiện chủ trương chủ động nguồn lực tài chính mà Công ty đề ra nhằm hạn chế rủi ro, tăng hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu.



◆ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Các chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản có xu hướng tăng lên trong năm 2013.

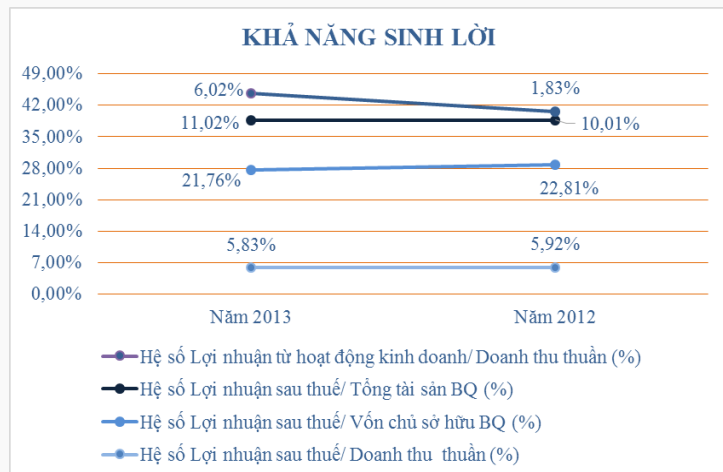


Vòng quay hàng tồn kho đạt 6,00 vòng, tăng 36% so với năm 2012. Đây là thành quả rất đáng ghi nhận của Ban lãnh đạo công ty trong tình hình các doanh nghiệp đều đối mặt với hàng tồn kho cao ngất ngưỡng, hoạt động sản xuất trì trệ.

Sức sản xuất của tài sản được duy trì và tăng nhẹ 5,62% so với năm 2012, đạt 1,9 vòng.

◆ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Năm 2012, công ty hoàn nhập khoản chi phí để bảo hành công trình xây lắp lên đến 6 tỷ đồng vào thu nhập khác, trong khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chỉ bằng phân nửa, nâng lợi nhuận trước thuế lên 12,3 tỷ đồng. Năm 2013, con số hoàn nhập này chỉ dừng ở 1,97 tỷ, tổng lợi nhuận trước thuế chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh do đó khả năng sinh lời trên doanh thu thuần và vốn chủ sở hữu giảm nhẹ so với năm trước. Cũng vì vậy mà hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần tăng mạnh, đạt mức 6,02%.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM



ĐỌC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

“ Năm 2013, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp do tăng trưởng khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn còn mờ nhạt, đặc biệt là các nước đang chịu ảnh hưởng của nợ công đã tác động không nhỏ đến sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, các yếu tố nội tại cũng chưa được giải quyết triệt để như hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, nợ xấu ngân hàng đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể v.v ...

Cũng như nhiều ngành nghề khác, lĩnh vực cơ khí còn gặp nhiều khó khăn thách thức và cạnh tranh gay gắt ở thị trường trong nước. Chính vì vậy, công ty tập trung vào thị trường xuất khẩu ít cạnh tranh hơn nhưng đòi hỏi cao về mặt kỹ thuật, quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Trong bối cảnh trên đặt ra những khó khăn và thách thức lớn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty.

”

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Trước diễn biến của nền kinh tế trong và ngoài nước, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 công ty đã đạt được theo kế hoạch đề ra, một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

- » Sản lượng sản xuất đạt 4.400 tấn sản phẩm, đạt 100% kế hoạch và tăng 0,11% so với năm trước.
- » Tổng doanh thu đạt 173,785 tỷ đồng, tăng 0,22% so với kế hoạch và tăng 4,33% so với năm trước, trong đó:

Doanh thu xuất khẩu đạt 138,191 tỷ đồng (tương đương 6.572.986 USD) tăng 8,38% so với kế hoạch và tăng 9,35% so với năm trước;

Doanh thu nội địa đạt 34,824 tỷ đồng, giảm 22,44% so với kế hoạch và giảm 11,07% so với năm trước, do những bất ổn từ thị trường trong nước cũng như theo chính sách phát triển tập trung xuất khẩu mà Công ty đề ra đã làm giảm doanh thu nội địa so với năm 2012 và chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Doanh thu hoạt động tài chính đạt 0,770 tỷ đồng, giảm 23% so với kế hoạch và giảm 25,90% so với năm trước.

- » Lợi nhuận đạt 13,464 tỷ đồng, tăng 7,71% so với kế hoạch và tăng 9,29% so với năm trước.
- » Số phải nộp ngân sách đạt 4,890 tỷ đồng, vượt 21,79% so với kế hoạch và tăng 40,11% so với năm trước.
- » Cổ tức 16%, đạt 100% so với kế hoạch và tăng 6,67% so với năm trước.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

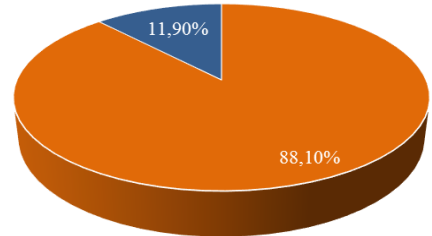
Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	31/12/2013	01/01/2013
I. Tài sản ngắn hạn	80.258	77.607
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.829	26.486
2. Phải thu ngắn hạn	51.899	20.840
3. Hàng tồn kho	19.648	28.265
4. Tài sản ngắn hạn khác	2.882	2.016
II. Tài sản dài hạn	10.837	14.448
1. Tài sản cố định	10.790	14.351
2. Tài sản dài hạn khác	46	97
Tổng tài sản	91.094	92.055

Tình hình nợ phải trả

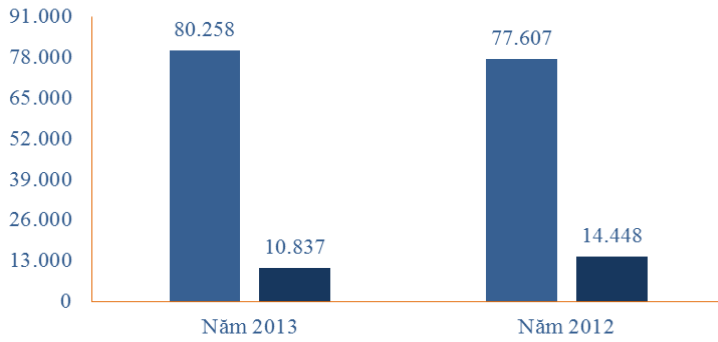
Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng	
	31/12/2013	01/01/2013
I. Nợ ngắn hạn	33.085	39.782
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	0
2. Phải trả cho người bán	4.424	4.589
3. Người mua trả tiền trước	4.641	16.217
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.581	1.622
5. Phải trả người lao động	17.816	12.040
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.318	2.643
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.305	2.671
II. Nợ dài hạn	10.643	6.902
1. Dự phòng phải trả dài hạn	8.504	6.755
2. Doanh thu chưa thực hiện	2.140	147
Tổng nợ	43.729	46.685

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2012



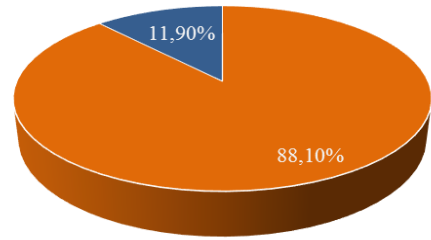
■ Tài sản ngắn hạn (triệu đồng) ■ Tài sản dài hạn (triệu đồng)

TÀI SẢN



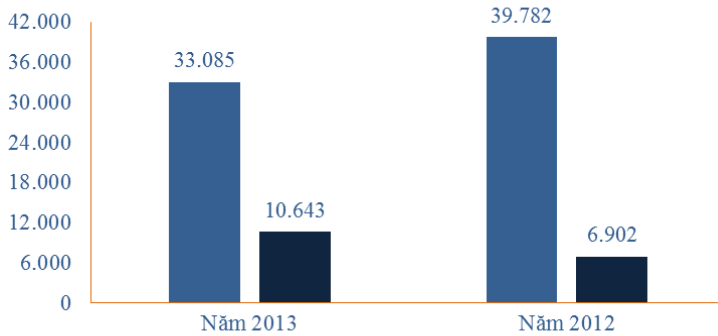
■ Tài sản ngắn hạn (triệu đồng) ■ Tài sản dài hạn (triệu đồng)

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2013



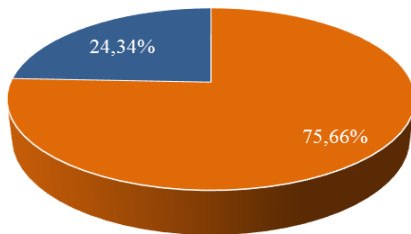
■ Tài sản ngắn hạn (triệu đồng) ■ Tài sản dài hạn (triệu đồng)

NỢ PHẢI TRẢ



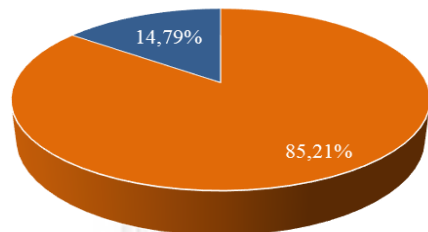
■ Nợ ngắn hạn (triệu đồng) ■ Nợ dài hạn (triệu đồng)

CƠ CẤU NỢ NĂM 2013



■ Nợ ngắn hạn (triệu đồng) ■ Nợ dài hạn (triệu đồng)

CƠ CẤU NỢ NĂM 2012



■ Nợ ngắn hạn (triệu đồng) ■ Nợ dài hạn (triệu đồng)



“ Nhìn chung tài sản năm nay ít biến động so với 2012. Tổng tài sản giảm nhẹ 2,04%, trong đó khoản giảm 24% của tài sản dài hạn là nguyên nhân chính.

Tài sản ngắn hạn chỉ tăng 3,42% nhờ vào các khoản mục tăng và giảm tương đối cân bằng với nhau. Trong năm, các hợp đồng ký với khách hàng có giá trị lớn, thời gian giao hàng chậm và tập trung vào 2 tháng cuối cùng của năm làm cho tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh 77,99% tương đương giảm 20,6 tỷ, khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh 149% tương đương 31,06 tỷ. Hàng tồn kho cũng đã giảm 8,6 tỷ đồng góp phần kéo Tổng tài sản trở về tương đương với năm trước.

Trong cơ cấu nguồn vốn, các khoản nợ và nguồn vốn khá tương đương nhau. Cơ cấu nguồn vốn đã có sự thay đổi nhỏ khi nợ phải trả giảm xuống 48% và 52% còn lại thuộc về vốn chủ sở hữu. Tỷ trọng nợ luôn có xu hướng giảm qua các năm gần đây.

Trong nợ ngắn hạn, khoản phải trả người lao động, phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước chiếm phần lớn. Thực hiện theo quy định tăng tiền lương tối thiểu và quyền lợi có liên quan đã làm cho chi phí lao động trong năm tăng đáng kể. Thời gian cuối năm, để kịp tiến độ sản xuất cho đơn hàng, công ty đã tăng cường nhân công, thời gian làm việc, làm cho khoản này tăng mạnh 47,98% tương đương tăng 5,7 tỷ so với năm trước. Tuy nhiên khoản Người mua trả tiền trước lại giảm đến từ 16,2 tỷ xuống còn 4,6. Vì vậy mà nợ ngắn hạn trong năm giảm 16,83%. Tuy các khoản nợ tăng nhưng khả năng thanh toán của công ty trong năm 2013 đủ để đảm bảo tính an toàn cho các khoản nợ như đã đề cập ở các chỉ tiêu tài chính.

Nợ dài hạn của Công ty tăng 3,7 tỷ, tuy nhiên khoản tăng không phát sinh từ vay nợ dài hạn mà từ khoản dự phòng phải trả dài hạn và doanh thu chưa thực hiện. Vốn chủ sở hữu tăng 4,4% do việc ghi nhận phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 vào các quỹ và lợi nhuận để lại.

Công ty không tồn đọng các khoản nợ phải thu hoặc phải trả xấu.

”

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Hoạt động sản xuất

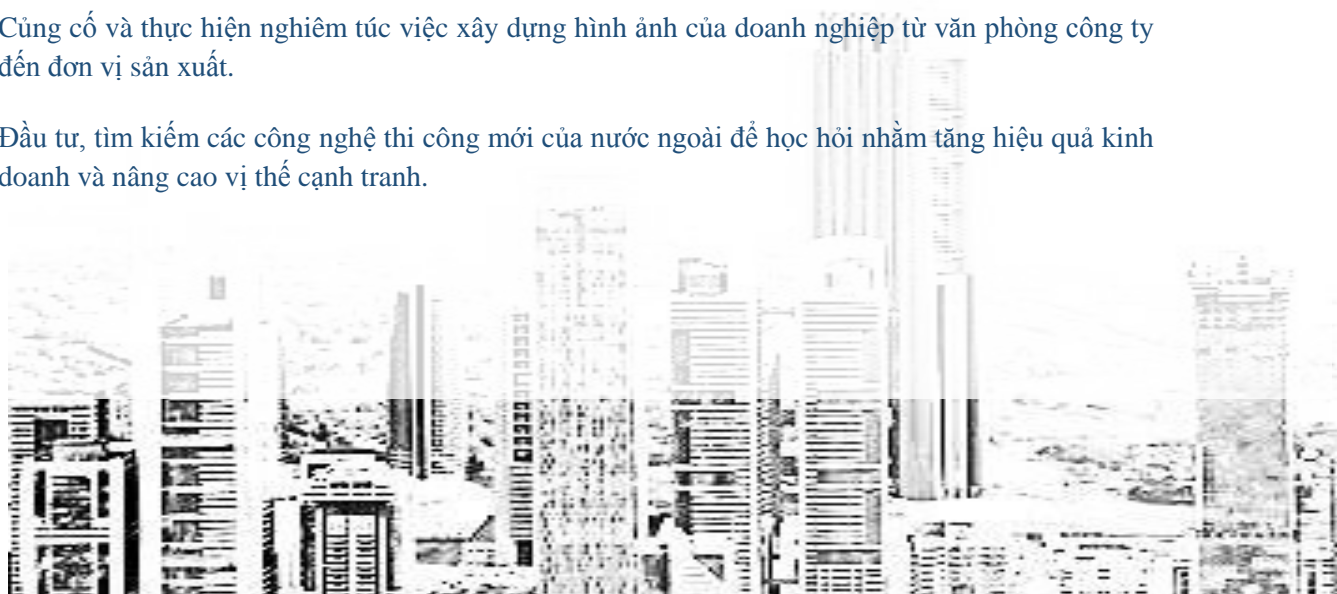
- » Sử dụng lao động hiệu quả, khai thác cơ sở vật chất và nguồn lực khác có hiệu quả để tăng năng suất lao động; bên cạnh đó, tiếp tục triệt để thực hành tiết kiệm, giảm thu nhập của người lao động với năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- » Duy trì và thực hiện hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2 và áp dụng ISO 9001:2008 vào sản xuất đã góp phần mang lại cho công ty sự tin tưởng tuyệt đối của khách hàng.

Công tác tài chính

- » Đã quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính của công ty, đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- » Cân đối, kiểm soát tốt công tác thu chi đảm bảo kế hoạch tài chính năm. Điều phối vốn kịp thời, linh hoạt đáp ứng hiệu quả nhu cầu kinh doanh, xem xét cơ cấu vốn, cân đối nguồn vốn hợp lý, giảm thiểu vốn vay ngân hàng, bảo toàn và phát triển vốn.
- » Báo cáo số liệu kịp thời, có chất lượng phục vụ công tác quản trị và các cơ quan quản lý nhà nước;
- » Triển khai thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện xong báo cáo kiểm toán đáp ứng yêu tố không có sai sót trọng yếu.

Công tác thị trường

- » Đánh giá đúng nhu cầu thị trường, tập trung nghiên cứu, mở rộng sản phẩm có hiệu quả và lựa chọn sản phẩm cơ khí có giá trị cao để phát triển.
- » Củng cố và thực hiện nghiêm túc việc xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp từ văn phòng công ty đến đơn vị sản xuất.
- » Đầu tư, tìm kiếm các công nghệ thi công mới của nước ngoài để học hỏi nhằm tăng hiệu quả kinh doanh và nâng cao vị thế cạnh tranh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014

“ Năm 2014 dự báo kinh tế thế giới sẽ khởi sắc, nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chưa thể ra khỏi giai đoạn trì trệ. Những khó khăn của năm 2013 vẫn có thể tiếp tục kéo dài trong năm 2014

Một trong những vấn đề tạo động lực phát triển kinh tế trong năm 2014 vẫn là giữ ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát được ngăn chặn, đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và quan trọng nhất là khôi phục lại niềm tin của thị trường.

Với bối cảnh trên, Ban lãnh đạo công ty đã phân tích và đưa ra những mục tiêu cho việc sản xuất kinh doanh năm 2014.

”

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	So sánh (%)
B	C	1	2	3 = 2:1
Tổng doanh thu	Triệu đồng	173.785	178.853	102,92
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu Xuất khẩu</i>	Triệu đồng	138.191	141.728	102,56
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.464	13.513	100,36
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.088	10.135	100,46
Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	6.573	6.738	102,51
Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	106	400	377,36
Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	2.740	13.150	479,93
Cổ tức	%	16	17	106,25

Một số giải pháp chủ yếu

◆ Công tác sản xuất

Thường xuyên tổ chức công tác rèn luyện tay nghề cho công nhân, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, chi phí, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị đúng quy định nhằm phát huy tốt công suất máy móc thiết bị, nhà xưởng để đảm bảo sản phẩm với chi phí hợp lý nhất.

Tiếp tục duy trì vào lĩnh vực sản xuất hàng cơ khí có hàm lượng kỹ thuật cao, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt coi trọng về chất lượng, đẩy mạnh sản xuất đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2008. Tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2. Chú trọng trong công tác nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất, phát triển các sản phẩm có giá trị cao.

◆ Công tác thị trường

Gia tăng tốt ở khu vực thị trường xuất khẩu, phấn đấu thị phần ở thị trường xuất khẩu đạt bằng hoặc cao hơn năm trước, có sự cải thiện trong khu vực sản xuất kinh doanh nội địa.

Tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối

tác, các đơn vị có tiềm lực trong và ngoài nước để tận dụng tốt cơ hội kinh doanh.

Đẩy mạnh, xây dựng thương hiệu IMECO;

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường;

Thực hiện các chính sách kinh doanh của Công ty để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, quan tâm chăm sóc khách hàng đang có.

◆ Công tác đầu tư

Tiếp tục đầu tư, trang bị thêm máy móc thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, cải thiện môi trường làm việc để đảm bảo cho sản xuất kinh doanh với tổng vốn đầu tư dự kiến là 13,150 tỷ đồng. Dự kiến như sau:

Đầu tư mới 01 máy tiện lớn có đường kính từ 5.000 mm trở lên, 01 máy cắt CNC, 01 máy chấn tôn 200 tấn, 01 máy doa và hệ thống cung cấp CO₂;

Đầu tư trang bị thêm một số máy công cụ cho sản xuất như máy hàn TIG, máy hàn MIG và một số máy công cụ khác;

Cải tạo nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng tại mặt bằng khu vực quận 12 và khu vực quận Thủ Đức.



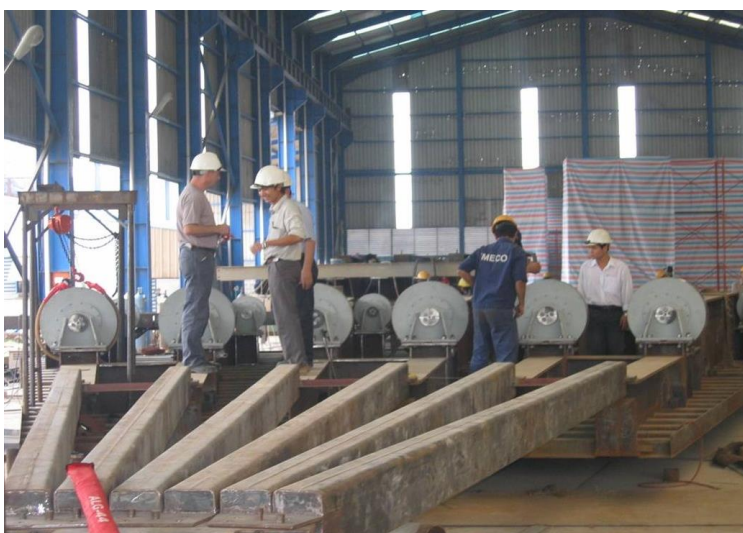
◆ Các hoạt động khác

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quy hoạch, lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty;

Tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 với các chỉ tiêu chủ yếu như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận tối thiểu phải đạt bằng hoặc cao hơn kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông là 17%/năm;

Đảm bảo việc làm đầy đủ, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong công ty với dự kiến thu nhập bình quân là 7.800.000/người/ tháng. Đặc biệt, chú trọng hơn vào công tác an toàn và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Thực hiện tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội, v.v...;

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, toàn thể CBCNV công ty với những kinh nghiệm và tinh thần vượt khó, tích cực lao động, sáng tạo tập trung mọi nguồn lực phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch đề ra.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





173,785 tỷ đồng Tổng doanh thu

13,464 tỷ đồng LN trước thuế

10,087 tỷ đồng LN sau thuế

16% Cổ tức/ vốn điều lệ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

“ Nền kinh tế Việt Nam năm 2013 đã từng bước ổn định, lạm phát được kiểm soát, lãi suất huy động giảm, môi trường kinh doanh được cải thiện, thị trường trong nước từng bước được phục hồi. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 trong hoàn cảnh nền kinh tế còn khó khăn, Công ty duy trì sản xuất ổn định, tuy tăng trưởng không được cao nhưng đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Uy tín, thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định không những với khách hàng trong nước mà với những đối tác nước ngoài.

Một số chỉ tiêu đã đạt được trong năm 2013 như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện đạt: 173,785 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 13,464 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 10,087 tỷ đồng
- Cổ tức thực hiện đạt: 16%

”



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị quan tâm tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành Công ty chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế điều hành, Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế trong từng tháng, từng quý và có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Tổng giám đốc thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

Hội đồng quản trị tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, chủ trương của HĐQT với các hoạt động của Công ty.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong năm 2013

Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành đã nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về chức năng nhiệm vụ theo quy chế điều hành, luôn bám sát thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao. Trong điều kiện khó khăn chung về tài chính và tìm kiếm thêm việc làm trong năm 2013, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành đã tập trung nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm cho từng giai đoạn, giữ được ổn định hoạt động SXKD, việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đã đặt ra, nguồn vốn cổ đông được bảo toàn.

Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cần chủ động trong công tác đầu tư phát triển, xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý về đầu tư, quy trình xuất nhập khẩu... đảm bảo hoạt động của Công ty được công khai, minh bạch cũng như giúp cho việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được dễ dàng hơn.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Triển vọng kinh tế năm 2014 tương đối khả quan hơn, kinh tế thế giới phục hồi, phát triển kéo theo doanh nghiệp trong nước sẽ có nhiều đơn hàng hơn, sản xuất tốt hơn, đặc biệt gia tăng tốt ở các lĩnh vực xuất khẩu. Hiện tại, Công ty có những thuận lợi và ưu thế hơn so với các đơn vị cơ khí khác về các sản phẩm cơ khí xuất khẩu do đảm bảo các yêu cầu khắt khe của khách hàng.

Hội đồng quản trị nhất trí thông qua bản kế hoạch SXKD năm 2014 với các chỉ tiêu cụ thể do Tổng giám đốc xây dựng, được HĐQT xem xét và trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị, HĐQT IMECO xây dựng chương trình hoạt động năm 2014 như sau:

- » Hiệu chỉnh lại Điều lệ của Công ty theo quy định mới của Thông tư 121//2012/TT-BTC trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.
- » HĐQT, Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành Công ty tập trung triển khai thực hiện kế hoạch SXKD với những biện pháp tích cực, cụ thể để đảm bảo doanh thu, sản lượng, chất lượng và hiệu quả.
- » Chỉ đạo Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành mở rộng khai thác thị trường, đồng thời tăng cường công tác quản trị, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, chủ trương của HĐQT với các hoạt động của Công ty.
- » Chỉ đạo và giám sát định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu. Giám sát chặt chẽ việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ và tài sản Công ty.
- » Tập trung đầu tư trang bị thêm máy móc thiết bị cỡ lớn nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất, thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa lớn máy móc thiết bị, nhà xưởng định kỳ, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.
- » Ban hành các Quy chế quản lý nội bộ như quy chế đầu tư, quy trình xuất nhập khẩu... làm cơ sở cho Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch và hiệu quả.

Với chương trình hành động trên, HĐQT sẽ chỉ đạo và giám sát hoạt động SXKD và các công tác khác tạo điều kiện cho Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành cùng toàn thể CBCNV của Công ty phối hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD năm 2014.

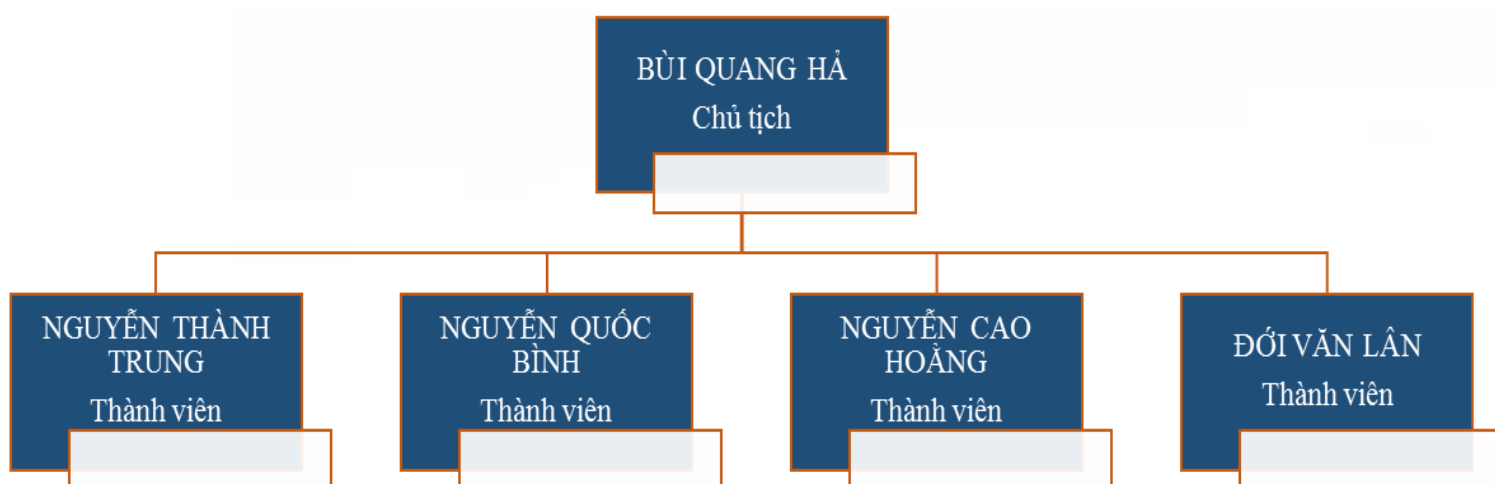
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị



Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông BÙI QUANG HẢI - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư ngành máy hóa - thực phẩm
Quá trình công tác	
06/1985 - 08/1988	Giám đốc Xí nghiệp Cơ Điện Tân Bình
09/1988 - 05/1992	Cán bộ tổ chức lao động Việt Nam tại Tiệp Khắc
06/1992 – 10/1996	Giám đốc nhà máy Cơ khí Thực phẩm
11/1996 – 03/2001	Giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
04/2001 – 05/2004	Phó Tổng giám đốc Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp kiêm Giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
01/2006 – 02/2007	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2007 – 06/2008	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
07/2008 – 07/2013	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cơ khí SABECO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	220.097 cổ phần – tỷ lệ 6,11%

Ông NGUYỄN THÀNH TRUNG - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư ngành cơ khí chế tạo
Quá trình công tác	
08/1990 – 04/1993	Cán bộ nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế trung tâm Công nghệ khoa học thuộc Viện khoa học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
05/1993 – 08/1996	Kỹ sư - Quản đốc xưởng cơ khí Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
09/1996 – 12/2005	Phó giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
01/2006 – 02/2007	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2007 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	184.200 cổ phần – tỷ lệ 5,21%

Ông ĐỐI VĂN LÂN - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1986 – 04/2006	Quản lý phân xưởng cơ khí (bảo trì) - Phó quản đốc Phân xưởng cơ khí trực thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
04/2006 – 06/2008	Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật trực thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
07/2008 – 06/2013	Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO
07/2013 – đến nay	Tổng giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Không



**Ông NGUYỄN QUỐC BÌNH - Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Phó giám đốc nhà máy Chế tạo thiết bị đồng bộ**

Năm sinh	1958
Trình độ chuyên môn	Kinh tế kế hoạch
Quá trình công tác	
1981 – 1983	Sỹ quan Quân đội nhân dân Quân khu 7
1983 – 1987	Công chức phòng TCLĐXH huyện Long Khánh, Đồng Nai Phó quản đốc Phân xưởng May, Cán bộ phòng Kinh doanh KCT, Phó giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị Đồng bộ thuộc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
1997 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc nhà máy Chế tạo thiết bị đồng bộ
Chức vụ hiện nay	
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	54.188 cổ phần – tỷ lệ 1,51%

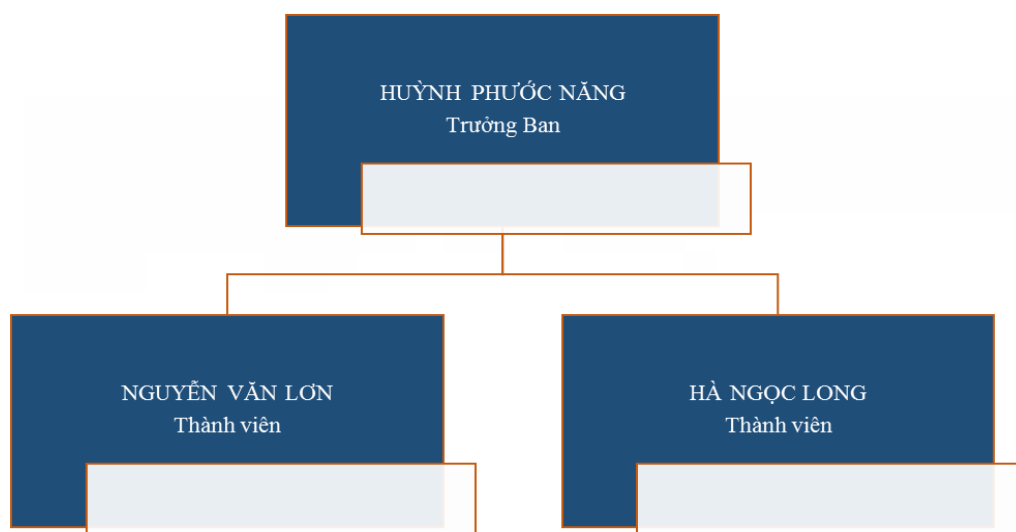
Ông NGUYỄN CAO HOÀNG - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
1981– 1988	Sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam
1988 – 1994	Phó tổng giám đốc liên hiệp KHSX Công nghệ mới
1994 đến nay	Giám đốc Trung tâm PTKT và CNTP
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	50.700 cổ phần – tỷ lệ 1,41%



BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban kiểm soát



Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Ông HUỖNH PHƯỚC NĂNG - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí - Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	Ông Huỳnh Phước Năng từng giữ các chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật nhà máy Cơ khí Rượu Bia, Xí nghiệp vận tải Công ty Bia Sài Gòn, trưởng phòng kỹ thuật Công ty Bia Sài Gòn và hiện nay đang làm Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO trực thuộc Tổng công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ	Không

Ông NGUYỄN VĂN LƠN - Thành viên Ban Kiểm soát

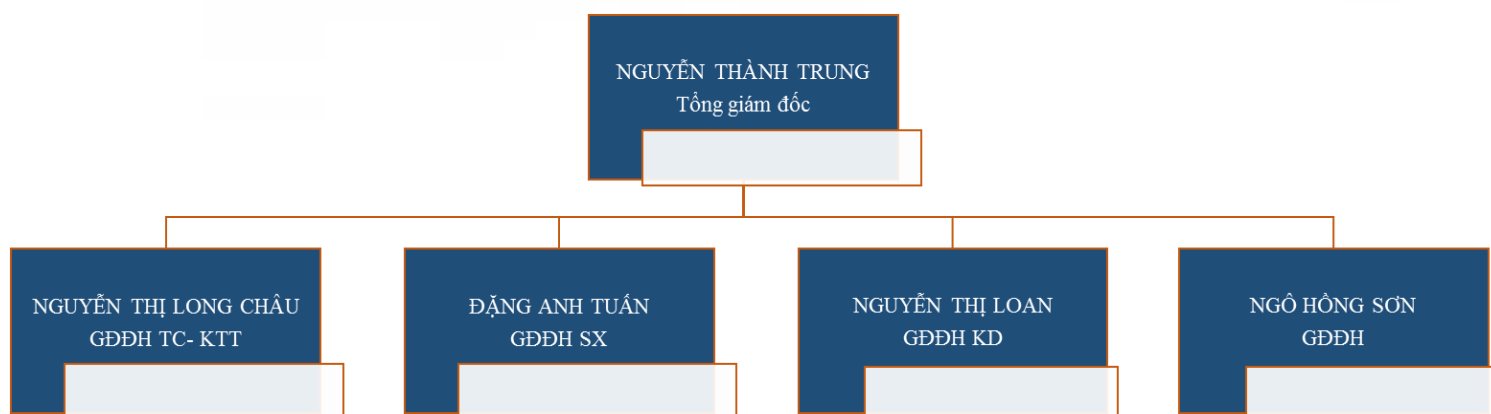
Năm sinh	1955
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - Kế toán doanh nghiệp
Tóm tắt quá trình công tác	Ông Nguyễn Văn Lơn từng giữ chức vụ: Phó phòng Hành chính Nhân sự và hiện nay là Trưởng phòng hành chính Nhân sự Công ty IMECO. Hiện nay là Phó bí thư Đảng bộ Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp nhiều nhiệm kỳ.
Số cổ phần nắm giữ:	12.000 cổ phần - tỷ lệ 0,33%

Ông HÀ NGỌC LONG - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1973
Trình độ chuyên môn	Trung cấp điện
Tóm tắt quá trình công tác	Ông Hà Ngọc Long từng nắm giữ các chức vụ: Tổ trưởng tổ Điện Công ty IMECO, nhân viên kỹ thuật Công ty IMECO, quản đốc phân xưởng Bảo trì và Xử lý bề mặt, đã từng làm Bí thư Đoàn nhiều nhiệm kỳ.
Số cổ phần nắm giữ	10.475 cổ phần - tỷ lệ 0,29%

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc



Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN THÀNH TRUNG - Tổng giám đốc

Xem phần lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Bà NGUYỄN THỊ LONG CHÂU - Giám đốc điều hành tài chính - kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	Bà Nguyễn Thị Long Châu từng giữ chức vụ: Phụ trách kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng Nhà máy Cơ khí Thực phẩm (nay là Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp), đến 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp.
Chức vụ hiện nay	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp
Số cổ phần nắm giữ	52.134 cổ phần - tỷ lệ 1,45%

Ông ĐẶNG ANH TUẤN - Giám đốc điều hành sản xuất

Năm sinh	1971
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo
Tóm tắt quá trình công tác	Ông Đặng Anh Tuấn từng nắm giữ các chức vụ Phó phòng kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế- Kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
Chức vụ hiện nay	Giám đốc điều hành CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Số cổ phần nắm giữ	25.907 cổ phần - tỷ lệ 0,72%

Bà NGUYỄN THỊ LOAN - Giám đốc điều hành kinh doanh

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	Bà Nguyễn Thị Loan từng giữ chức vụ: Trưởng văn phòng Giám đốc, trợ lý Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp và nay là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
Chức vụ hiện nay	Giám đốc điều hành CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Số cổ phần nắm giữ	42.980 cổ phần - tỷ lệ 1,19%

Ông NGÔ HỒNG SƠN - Giám đốc điều hành kỹ thuật

Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí
Ngoại ngữ	Tiếng Anh
Tóm tắt quá trình công tác	Ông Ngô Hồng Sơn từng giữ chức vụ Phó giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ, trường phòng Quản lý chất lượng (trực thuộc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp) đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
Chức vụ hiện nay	Giám đốc điều hành CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Số cổ phần nắm giữ	29.393 cổ phần - tỷ lệ 0,82%

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG HĐQT, BKS & BTGD

Trong năm Công ty không có sự thay đổi nhân sự chủ chốt



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31/12/2013, công ty có 399 CBCNV với cơ cấu như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ %
A	Theo trình độ	399	100,00%
1	Đại học	61	15,29%
2	Cao đẳng	18	4,51%
3	Khác	320	80,20%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	399	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	288	72,18%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	111	27,82%

Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)

TT	Năm	Mức lương bình quân (đồng/tháng)
1	2011	6.000.000
2	2012	6.900.000
3	2013	7.500.000

Chính sách đối với người lao động

Công tác nhân sự, đào tạo

- » Đảm bảo thu nhập, việc làm, chế độ và trả lương hàng tháng kịp thời cho người lao động.
- » Tổng lao động bình quân năm 2013 là 432 người, giảm 4% so với kế hoạch và giảm 4% so với năm trước, giảm chủ yếu ở lao động trực tiếp.
- » Thu nhập bình quân năm 2013 là 7,56 triệu đồng/người, tăng 4,23% so với kế hoạch và tăng 9,32% so với năm trước.
- » Công tác đào tạo luôn được công ty quan tâm chú trọng, từ đào tạo bổ sung đến đào tạo chuyên môn cho người lao động. Chương trình đào tạo được lập kế hoạch cụ thể:
 - Đào tạo ISO 9001 – 2008 và khóa học “CSWIP 3.1 Welding Inspector – Level 2” cho 01 kỹ sư;
 - Đào tạo chứng chỉ hàn quốc tế cho 02 kỹ sư;
 - Tập huấn An toàn lao động cho công nhân;
 - Đào tạo nâng cao tay nghề cho toàn bộ thợ hàn.

Hoạt động Công đoàn

- » Công đoàn phối hợp với chính quyền đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2013.
- » Cùng với Công đoàn làm tốt công tác chăm lo tinh thần vật chất cho người lao động. Theo dõi, kiểm tra, giám sát các việc thực hiện các chính sách, thỏa ước lao động tập thể, chính sách phúc lợi, bảo hiểm xã hội, y tế...
- » Hoạt động đoàn thể luôn được công ty quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện.

Chính sách khác

- » Công ty luôn chú trọng công tác bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh môi trường. Đặc biệt, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân để đảm bảo an toàn sản xuất lao động. Thường xuyên kiểm tra, kiểm định các thiết bị nâng hạ, các máy móc thiết bị luôn trong điều kiện an toàn để phục vụ cho sản xuất

QUẢN TRỊ CÔNG TY





HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp trong năm 2013 là 06 lần và xin ý kiến của các thành viên HĐQT 04 lần. Các cuộc họp của HĐQT có sự tham gia tương đối đầy đủ của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và Trưởng các đơn vị IMECO. Nội dung thảo luận và ra Nghị quyết luôn tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị IMECO đã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD và thông qua các quyết định về các nhiệm vụ khác liên quan trong năm 2013 như sau:
- Chỉ đạo và giám sát việc xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí và lợi nhuận năm 2013 của đơn vị;
- Ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo của IMECO;
- Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng giám đốc và 02 Giám đốc điều hành có thời hạn 5 năm;
- Thông qua phương án đầu tư xây dựng hệ thống quản lý SXKD bằng công nghệ thông tin và đầu tư thêm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Ban hành Quy trình công bố thông tin của IMECO theo quy định của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Đàm phán việc chuyển nhượng tài sản trên đất tại mặt bằng Quận 12.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham gia
Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch	6	100%	
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	5	83%	Bận công tác, có ủy quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	6	100%	
Ông Nguyễn Cao Hoàng	Thành viên	4	67%	Bận công tác, có ủy quyền biểu quyết
Ông Đới Văn Lân	Thành viên	5	83%	Bận công tác, có ủy quyền biểu quyết

Các nghị quyết/ quyết định của hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	05/NQ-HĐQT	04/01/2013	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý IV/2012, năm 2012 và kế hoạch SXKD 2013
			Thông qua định hướng đầu tư của IMECO
			Thông qua Quy chế tuyển dụng và đào tạo
			Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 với tỷ lệ 5%
			Thông qua việc giao nhiệm vụ cho ông Ngô Hồng Sơn, GĐDH Kỹ thuật điều hành phòng Quản lý chất lượng và phòng Kỹ thuật

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	07/NQ-HĐQT	04/01/2013	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 (tỷ lệ 5%)
3	25/QĐ-HĐQT	17/01/2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 2 cầu trục 10T phục vụ sản xuất năm 2012
4	26/QĐ-HĐQT	04/01/2013	Ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo
5	57/QĐ-HĐQT	21/02/2013	Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng giám đốc Công ty có thời hạn 5 năm (10/02/2013- 10/02/2018)
6	107/NQ-HĐQT	15/03/2013	Thông qua Báo cáo ước thực hiện kết quả hoạt động SXKD Quý I/2013 và kế hoạch Quý II/2013
			Thông qua việc giao cho ông Nguyễn Cao Hoàng (Thành viên HĐQT) và ông Ngô Hồng Sơn (GĐĐH Kỹ thuật) hoàn thành đề án quản lý sản xuất bằng công nghệ thông tin trong Công ty.
			Thông qua việc giao cho Chủ tịch HĐQT cùng một số cán bộ điều hành xây dựng phương án hoán đổi mặt bằng
			Thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ GĐĐH Kinh doanh có thời hạn 5 năm cho bà Nguyễn Thị Loan.
7	108/NQ-HĐQT	15/03/2013	Thông qua các văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
			Thông qua ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên IMECO năm 2013 (26/04/2013).
8	109/QĐ-HĐQT	16/03/2013	Bổ nhiệm lại chức vụ GĐĐH Kinh doanh có thời hạn 5 năm (10/02/2013-10/02/2018).
9	110a/NQ-HĐQT	18/03/2013	Ủy quyền cho Giám đốc điều hành kinh doanh ký văn bản.
10	141/NQ-ĐHCD	26/04/2013	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
11	172/NQ-HĐQT	30/05/2013	Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện SXKD tháng 4, tháng 5/2013 và Kế hoạch kỳ tới.
			Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
			Thông qua Phương án đầu tư xây dựng hệ thống quản lý bằng SXKD bằng công nghệ thông tin, giao cho Bộ máy điều hành triển khai thực hiện giai đoạn 1 của dự án trong năm 2013.
12	173a/QĐ-HĐQT	30/05/2013	Thông qua việc phân công nhiệm vụ 5 thành viên Hội đồng quản trị năm 2013 được duy trì như trước đây
			Phê duyệt Báo cáo dự án đầu tư Xây dựng hệ thống camera và quản trị Công ty.
13	187/QĐ-HĐQT	30/05/2013	Liên quan đến các giao dịch tín dụng tại Ngân hàng.
14	214/NQ-HĐQT	22/07/2013	Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động SXKD, công tác đầu tư, tình hình công nợ 6 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2013.
			Thông qua chủ trương đàm phán với Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải hàng hóa kho bãi Miền Nam về việc thỏa thuận chuyển nhượng tài sản trên đất của IMECO tại Quận 12. Để thực hiện việc này giao cho tổ đàm phán bao gồm Chủ tịch HĐQT, GĐĐH Kinh doanh, GĐĐH Tài chính, Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng Hành Chính - Nhân sự, Chủ tịch Công đoàn Công ty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	214/NQ-HĐQT	22/07/2013	<p>Thông qua việc trả lời công văn số 297/CV-CK.SBC về việc bầu bổ sung ông Trần Công Tước, Chủ tịch Công ty Mesab vào Hội đồng quản trị IMECO chỉ được thực hiện nếu như có một thành viên HĐQT hiện hữu xin từ nhiệm.</p> <p>Thông qua việc trả lời công văn số 297/CV-CK.SBC về việc bầu bổ sung ông Trần Công Tước, Chủ tịch Công ty Mesab vào Hội đồng quản trị IMECO chỉ được thực hiện nếu như có một thành viên HĐQT hiện hữu xin từ nhiệm.</p>
15	219/QĐ-HĐQT	01/08/2013	<p>Thành lập tổ đàm phán với Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải hàng hóa kho bãi Miền Nam.</p> <p>Thông qua Báo cáo hoạt động SXKD Quý III/2013 và kế hoạch quý IV/2013.</p> <p>Thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Nhà Máy chế tạo thiết bị đồng bộ có thời hạn 5 năm đối với ông Đặng Anh Tuấn.</p> <p>Thông qua việc chọn Công ty TNHH DVTV Tài chính Kế toán và kiểm toán Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính IMECO năm 2013.</p>
16	303/NQ-HĐQT	10/10/2013	<p>HĐQT phê duyệt mua máy tiện lớn theo đúng quy trình, thủ tục mua sắm hàng hóa mà Công ty ban hành.</p> <p>Thông qua chủ trương thuê luật sư làm công tác tư vấn về thủ tục chuyển nhượng tài sản trên đất của IMECO tại Quận 12 theo đúng pháp luật. Căn cứ vào chứng thư thẩm định đã có, giao cho GĐĐH Tài chính chủ trì, phối hợp cùng các bộ phận nghiệp vụ đề xuất giá sàn trình HĐQT phê duyệt. HĐQT sẽ thông qua giá sàn để làm cơ sở cho việc lựa chọn đơn vị nào có nhu cầu sang nhượng với giá cao nhất.</p>
17	303a/QĐ-HĐQT	10/10/2013	Bổ nhiệm lại chức vụ GĐĐH SX kiêm GĐNM có thời hạn 5 năm (01/10/2013-01/20/2018).
18	349/NQ-HĐQT	11/20/2013	tạm ứng cổ tức năm 2013 (tỷ lệ 6%).
19	375/NQ-HĐQT	12/11/2013	<p>Thông qua Báo cáo hoạt động SXKD tháng 11/2013, ước thực hiện năm 2013 và kế hoạch 2014.</p> <p>Thông qua việc dùng Quỹ dự phòng Tài chính của Công ty để xử lý khoản nợ khó đòi của Sở Thể dục Thể thao TP.HCM từ năm 2002 (công trình thi đấu Phú Thọ) với giá trị còn lại là 301.624.604 đồng.</p> <p>Thông qua việc giao nhiệm vụ Tổng Giám đốc xây dựng quy chế đầu tư và quy chế xuất khẩu hàng hóa đến cuối tháng 3/2014 trình HĐQT phê duyệt.</p> <p>Thông qua việc tạm ngưng chuyển nhượng tài sản trên đất tại Quận 12, chờ ý kiến của Thành phố về việc thuê đất dài hạn tại mặt bằng quận 12 và Tổng giám đốc xây dựng, trình HĐQT phương án sử dụng đất mặt bằng này so với phương án chuyển nhượng tài sản trên đất đến hết tháng 3/2014.</p> <p>Ban hành Quy trình công bố thông tin của CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013, Ban kiểm soát tiếp tục cơ chế hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty. Một số hoạt động chính của Ban kiểm soát như sau:

- Họp định kỳ 2 lần vào tháng 8 và tháng 12 để kiểm điểm việc thực hiện quy định theo hướng dẫn của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về quản trị công ty cho các Công ty đại chúng.
- Tham gia 06 cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2013. HĐQT có các quyết định về việc thông qua kế hoạch SXKD 2013; phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT; thông qua các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông 2013, kế hoạch đầu tư 2013; triển khai thực hiện nghị quyết ĐHCĐ; thông qua việc thực hiện kế hoạch từng quý; chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thới An, thành lập tổ đàm phán thương thảo cho việc chuyển nhượng quyền tài sản trên đất.v.v..
- Đánh giá và đưa ra kiến nghị cho các hoạt động của Ban Tổng giám đốc, việc thực hiện các nghị quyết HĐQT, đồng thời phản hồi hoặc góp ý trực tiếp với HĐQT.
- Thực hiện kiểm tra việc thực hiện quy chế mua hàng hóa, dịch vụ và có ý kiến về việc cần phải có hướng dẫn, quy định cho công tác đầu tư. Trên cơ sở đó, HĐQT đã có thông báo về việc hướng dẫn thực hiện đầu tư máy tiện đứng trong khi chờ quy định về công tác đầu tư được ban hành
- Trong năm qua HĐQT đã ban hành được Quy chế tuyển dụng và đào tạo (tháng 1/2013) và quy trình công bố thông tin (tháng 12/2013).

Đánh giá của BKS về hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc: HĐQT đã thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra thực hiện kịp thời, các quyết định phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với các quy định, tạo cơ chế làm việc phối hợp tốt giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Đối với các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc, thông qua các thành viên BKS dự họp trực tiếp có ý kiến cho công tác kiểm tra phù hợp với chức năng nhiệm vụ của BKS. Các hoạt động của BKS được HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện. Các kiến nghị của BKS đã được HĐQT và Ban Tổng giám đốc thực hiện hoặc khắc phục.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT và BKS được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 141/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2013.

Tiền lương và thu nhập của Ban Tổng giám đốc được chi theo Quyết định của HĐQT và Quy chế tiền lương tiền thưởng của công ty. Năm 2013 tổng số tiền chi cho Ban Tổng giám đốc là 2.377.592.146 đồng.

Thù lao của Hội đồng quản trị

- » Chủ tịch HĐQT : 5.000.000 đồng/tháng
- » Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng

Thù lao của ban Kiểm soát

- » Trưởng BKS: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.000.000 đồng/tháng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Nguyễn Thị Loan	GD điều hành	36.980	Mua	6.000	42.980	22/10/2013

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Hiện nay công ty đang tiến hành các điều chỉnh điều lệ và xây dựng quy chế quản trị công ty nhằm chuẩn hóa hoạt động quản trị theo quy định của Luật hiện hành



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	Tổng số cổ phần:	3.599.480
	Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng
	Loại cổ phần đang lưu hành:	cổ phần phổ thông
	Số cổ phần tự do chuyển nhượng:	3.599.480
	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0
	Cổ phiếu quỹ:	0

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 06/12/2013

.STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1.1	Nhà nước	01	936.000	9.360.000.000	26,00
1.2	Cổ đông khác	217	2.663.948	26.639.480.000	74,00
	Tổng cộng	218	3.599.948	35.999.480.000	100,00
2.1	Cổ đông trong nước	214	3.330.224	33.302.240.000	92,50
	Tổ chức	05	1.005.758	10.057.580.000	27,90
	Cá nhân	209	2.324.466	23.244.660.000	64,60
2.2	Cổ đông nước ngoài	04	269.724	2.697.240.000	7,50
	Tổ chức	02	28.800	288.000.000	0,80
	Cá nhân	02	240.924	2.409.240.000	6,70
	Tổng cộng	218	3.599.948	35.999.480.000	100,00

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	936.000	26,00%
2	Ông : Bùi Quang Hải	220.097	6,11%
3	Ông : Nguyễn Thành Trung	184.200	5,12%
	Tổng cộng	1.340.297	37,23%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

đã được kiểm toán

Đơn vị kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán được đăng tải tại chuyên mục
“**Quan hệ cổ đông**” trên Website Công ty

www.imeco.com.vn/quan-he-co-dong.htm

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp sau đây gọi tắt là (“Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính 2013 kết thúc vào ngày 31/12/2013.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006, và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 04 năm 2012.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc, thiết bị điện; nước và hoàn thiện công trình. Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV. Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện). Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Xử lý nước thải. Kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty tại 929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Đới Văn Lân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc:

Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Giám Đốc điều hành
Ông Đặng Anh Tuấn	Giám Đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Giám Đốc điều hành
Ông Ngô Hồng Sơn	Giám Đốc điều hành



Các thành viên của Ban kiểm soát:

Ông Huỳnh Phước Năng Trưởng ban

Ông Nguyễn Văn Lon Thành viên

Ông Hà Ngọc Long Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị

(Đã ký)

Bùi Quang Hải

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2014

Số: 52/BCKT/TC

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, được lập ngày 27/02/2014, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

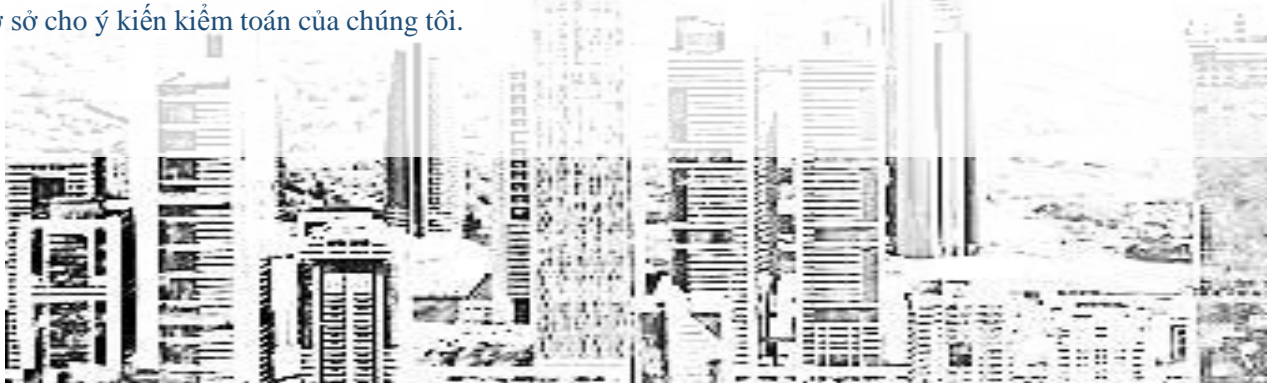
Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc

Kiểm toán viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0167-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.257.602.820	77.607.267.204
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.828.730.350	26.486.089.894
1. Tiền	111		3.828.730.350	11.486.089.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.899.130.224	20.840.059.732
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	51.166.609.500	20.619.808.703
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	570.250.080	46.805.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	162.270.644	173.446.029
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	19.647.988.901	28.265.326.709
1. Hàng tồn kho	141		19.647.988.901	28.265.326.709
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.881.753.345	2.015.790.869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		424.884.421	392.540.932
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.798.998.656	1.432.199.736
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.06	451.927.212	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		205.943.056	191.050.201
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.836.709.268	14.447.651.185
II. Tài sản cố định	220		10.790.442.601	14.350.734.518
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.790.442.601	13.962.590.645
- Nguyên giá	222		60.925.375.479	60.151.517.065
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.134.932.878)	(46.188.926.420)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	53.353.264
- Nguyên giá	228		605.948.500	627.248.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(605.948.500)	(573.895.236)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	334.790.609
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		46.266.667	96.916.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		46.266.667	96.916.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.094.312.088	92.054.918.389

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.728.656.217	46.684.899.773
I. Nợ ngắn hạn	310		33.085.213.776	39.782.464.390
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.09	4.424.335.094	4.589.140.919
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	4.640.885.835	16.216.946.579
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.581.165.617	1.622.302.911
5. Phải trả người lao động	315		17.816.269.724	12.039.792.895
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	1.317.885.550	2.642.978.101
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.304.671.956	2.671.302.985
II. Nợ dài hạn	330		10.643.442.441	6.902.435.383
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.13	8.503.662.441	6.755.126.645
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.139.780.000	147.308.738
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.365.655.871	45.370.018.616
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	47.365.655.871	45.370.018.616
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.313.627.431	6.323.182.021
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.546.908	2.074.948.807
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		32.400.000	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.751.601.532	972.407.788
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91.094.312.088	92.054.918.389

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		38.990.347.957	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		55.665,36	473.836,04
- EUR		6.691,22	619,06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Long Châu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2014

Nguyễn Thành Trung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	173.015.296.122	165.554.932.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	25.035.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	173.015.296.122	165.529.897.813
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	143.664.701.129	142.256.381.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.350.594.993	23.273.515.905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	770.175.440	1.039.308.880
7. Chi phí tài chính	22		12.281.082	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.281.082</i>	-
8. Chi phí bán hàng	24		4.658.423.894	7.190.354.758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.030.716.675	14.090.200.750
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.419.348.782	3.032.269.277
11. Thu nhập khác	31	VI.06	3.406.024.814	9.698.394.708
12. Chi phí khác	32	VI.07	361.004.078	410.477.466
13. Lợi nhuận khác	40		3.045.020.736	9.287.917.242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.464.369.518	12.320.186.519
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.376.611.888	2.526.227.488
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.087.757.630	9.793.959.031
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.803	2.721

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Long Châu

Nguyễn Thành Trung

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		124.158.915.144	153.695.140.840
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(94.987.527.609)	(106.765.091.419)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(37.903.585.426)	(35.380.817.778)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(12.281.082)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.575.285.837)	(4.159.200.071)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.997.765.164	10.023.435.624
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.757.057.551)	(2.741.158.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.079.057.197)	14.672.308.296
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.009.343.583)	(5.987.714.271)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		97.272.727	1.026.185.531
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	837.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		586.871.909	995.642.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.325.198.947)	(3.128.385.745)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.147.513.358	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.147.513.358)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.253.103.400)	(4.751.330.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.253.103.400)	(4.751.330.565)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20.657.359.544)	6.792.591.986
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.486.089.894	19.693.497.908
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.828.730.350	26.486.089.894

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Long Châu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006, và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 04 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại 929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc, thiết bị điện; nước và hoàn thiện công trình. Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV. Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện). Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Xử lý nước thải. Kinh doanh bất động sản.

I. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

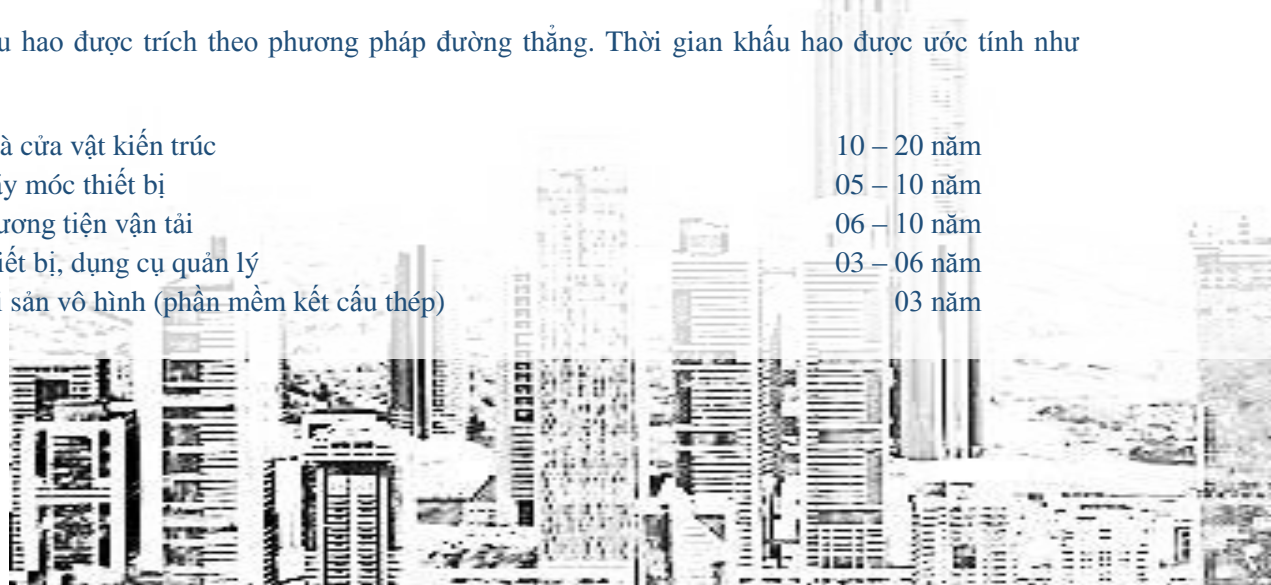
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 20 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Tài sản vô hình (phần mềm kết cấu thép)	03 năm



4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận.

Phần công việc hoàn thành được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng theo nghiệm thu của hai bên.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



11. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	372.628.419	161.575.760
Tiền gửi ngân hàng	3.456.101.931	11.324.514.134
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	5.828.730.350	26.486.089.894
2. Phải thu khách hàng	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
AAF International LTD	15.184.876.381	556.661.040
HOWDEN UK LIMITED	15.986.725.015	2.727.738.000
Tổng công ty Bia- rượu-NGK Sài Gòn	-	1.213.753.750
Các khách hàng khác	19.995.008.104	16.121.655.913
Cộng	51.166.609.500	20.619.808.703
3. Trả trước cho người bán	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ Khí XD Thang Máy Đồng Tâm	286.000.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	284.250.080	46.805.000
Cộng	570.250.080	46.805.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu BHXH của nhân viên	110.484.176	121.025.960
Phải thu khác	51.786.468	52.420.069
Cộng	162.270.644	173.446.029
5. Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.115.236.527	16.788.265.140
Công cụ, dụng cụ	2.266.809.511	1.547.999.723
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.265.942.863	9.684.610.246
Hàng hóa	-	244.451.600
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19.647.988.901	28.265.326.709
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần của hàng tồn kho	19.647.988.901	28.265.326.709
6. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	451.927.212	-
Cộng	451.927.212	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>					
Số dư đầu năm	14.840.320.657	40.508.539.748	3.876.649.443	926.007.217	60.151.517.065
Số tăng trong năm	661.247.581	2.323.096.003	-	24.999.999	3.009.343.583
Bao gồm:					
- Mua sắm mới	-	2.323.096.003	-	24.999.999	2.348.096.002
- Đầu tư XDCB hoàn thành	661.247.581	-	-	-	661.247.581
Số giảm trong năm	67.583.731	1.421.237.797	-	746.663.641	2.235.485.169
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	95.238.094	-	-	95.238.094
- Giảm khác (*)	67.583.731	1.325.999.703	-	746.663.641	2.140.247.075
Số dư cuối năm	15.433.984.507	41.410.397.954	3.876.649.443	204.343.575	60.925.375.479
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	11.243.209.347	32.451.376.101	1.723.631.009	770.709.963	46.188.926.420
Số tăng trong năm	1.108.043.243	4.072.349.297	576.199.104	41.332.474	5.797.924.118
Bao gồm:					
- Khấu hao trong năm	1.108.043.243	4.072.349.297	576.199.104	41.332.474	5.797.924.118
Số giảm trong năm	67.583.731	1.176.635.067	-	607.698.862	1.851.917.660
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	95.238.094	-	-	95.238.094
- Giảm khác (*)	67.583.731	1.081.396.973	-	607.698.862	1.756.679.566
Số dư cuối năm	12.283.668.859	35.347.090.331	2.299.830.113	204.343.575	50.134.932.878
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</i>					
Tại ngày đầu năm	3.597.111.310	8.057.163.647	2.153.018.434	155.297.254	13.962.590.645
Tại ngày cuối năm	3.150.315.648	6.063.307.627	1.576.819.330	-	10.790.442.601

(*) Giảm do TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013 ngày 25/04/2013

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

19.523.544.743 đồng

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND
Phần mềm
vi tính

Nguyên giá TSCĐ vô hình

Số dư đầu năm	627.248.500
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	21.300.000
Bao gồm:	
- Giảm khác (*)	21.300.000
Số dư cuối năm	605.948.500

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	573.895.236
Khấu hao trong năm	46.844.931
Số giảm trong năm	14.791.667
Bao gồm:	
- Giảm khác (*)	14.791.667
Số dư cuối năm	605.948.500

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình

Tại ngày đầu năm	53.353.264
Tại ngày cuối năm	-

(*) Giảm do TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013 ngày 25/04/2013

9. Phải trả cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
AAF [WUHAN] CO., LTD	1.196.594.835	-
Công ty CP Hải Ninh	621.940.000	259.600.000
Công ty TNHH kỹ thuật cơ điện xây dựng thương mại Sài Gòn	417.025.400	-
Công ty TNHH Đại Vĩnh An	-	774.617.738
Công ty TNHH TM lắp đặt vật liệu cách nhiệt Vũng Tàu	-	1.776.864.530
Các nhà cung cấp khác	2.188.774.859	1.778.058.651
Cộng	4.424.335.094	4.589.140.919

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
AAF [WUHAN] CO., LTD	553.349.047	5.730.577.840
HOWDEN UK LTD	1.883.743.388	3.632.397.600
NEM POWER SYSTEMS	337.317.830	4.602.977.600
Các khách hàng khác	1.866.475.570	2.250.993.539
Cộng	4.640.885.835	16.216.946.579



11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.217.831.744	1.416.505.693
Thuế thu nhập cá nhân	363.333.873	205.797.218
Cộng	2.581.165.617	1.622.302.911
12. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	273.746.660	357.305.374
Phải trả về cổ phần hóa	15.966.400	15.966.400
Cổ tức phải trả	610.773.700	2.103.960.300
Phải trả khác	417.398.790	165.746.027
Cộng	1.317.885.550	2.642.978.101
13. Dự phòng phải trả dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	8.503.662.441	6.755.126.645
Cộng	8.503.662.441	6.755.126.645

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	5.348.152.706	1.587.434.150	144.000.000	-
- Tăng trong năm trước					
- Giảm trong năm trước				(432.000.000)	
- Lãi trong năm trước					9.793.959.031
- Phân phối lợi nhuận năm trước		975.029.315	487.514.657	288.000.000	(8.821.551.243)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		975.029.315			(975.029.315)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính			487.514.657		(487.514.657)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(1.671.085.271)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				288.000.000	(288.000.000)
+ Chia cổ tức bằng tiền					(5.399.922.000)
Số dư cuối năm trước	35.999.480.000	6.323.182.021	2.074.948.807	-	972.407.788
- Giảm trong năm nay			(301.624.604)	(255.600.000)	
- Lãi trong năm nay					10.087.757.630
- Phân phối lợi nhuận năm nay		990.445.410	495.222.705	288.000.000	(9.308.563.885)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển		990.445.410			(990.445.410)
+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính			495.222.705		(495.222.705)
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(1.774.978.970)
+ Tạm trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				288.000.000	(288.000.000)
+ Chia cổ tức bằng tiền					(5.759.916.800)
Số dư cuối năm	35.999.480.000	7.313.627.431	2.268.546.908	32.400.000	1.751.601.532

<i>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	31/12/2013 VND	%	01/01/2013 VND	%
- Vốn góp của Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	9.360.000.000	26%	9.360.000.000	26%
- Vốn góp của các đối tượng khác	26.639.480.000	74%	26.639.480.000	74%
Cộng	35.999.480.000	100%	35.999.480.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.759.916.800	5.399.922.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.599.480	3.599.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu phổ thông	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu phổ thông	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	173.015.296.122	165.554.932.913
Trong đó		
- Doanh thu bán thành phẩm	162.886.953.829	140.193.813.383
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.128.342.293	25.361.119.530
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	25.035.100
Trong đó		
- Giảm giá hàng bán	-	25.035.100
- Hàng bán bị trả lại	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	173.015.296.122	165.529.897.813
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	162.886.953.829	140.168.778.283
- Doanh thu thuần dịch vụ	10.128.342.293	25.361.119.530

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	137.277.035.354	119.718.356.963
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.387.665.775	22.538.024.945
Cộng	143.664.701.129	142.256.381.908
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	586.871.909	995.642.995
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	183.303.531	43.665.885
Cộng	770.175.440	1.039.308.880
6. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình xây lắp	1.978.998.484	6.766.004.849
- Thu thanh lý tài sản	97.272.727	1.026.185.531
- Thu hồi phế liệu	277.497.045	837.233.837
- Thu nhập cho thuê nhà xưởng	642.862.344	641.052.520
- Thu nhập khác	409.394.214	427.917.971
Cộng	3.406.024.814	9.698.394.708
7. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản tiền nộp phạt	42.078.034	123.760.037
- Chi phí cho thuê nhà xưởng	208.186.044	-
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	71.250.000
- Chi phí khác	110.740.000	215.467.429
Cộng	361.004.078	410.477.466

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.464.369.518	12.320.186.519
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	42.078.034	112.580.037
+ Các khoản điều chỉnh tăng	42.078.034	123.760.037
. Chi phí không hợp lệ	-	9.137.397
. Các khoản phạt vi phạm hành chính	42.078.034	114.622.640
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	11.180.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.506.447.552	12.432.766.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.376.611.888	3.108.191.639
Thuế TNDN nộp bổ sung theo BBKT QT thuế năm 2008,2009	-	(63.788.030)
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 2011 phải nộp do được giảm 30%	-	597.821.307
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm 2010 và 2011	-	47.930.874
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	3.376.611.888	2.526.227.488
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.087.757.630	9.793.959.031
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	10.087.757.630	9.793.959.031
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.599.480	3.599.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.803	2.721
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.427.528.887	84.537.462.850
- Chi phí nhân công	43.680.062.255	38.538.411.541
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.844.769.049	6.968.582.821
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.187.777.496	17.408.916.577
- Chi phí khác bằng tiền	5.795.036.628	4.402.999.014
Cộng	155.935.174.315	151.856.372.803

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.771.017.982	1.904.945.854

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)</u>
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Sabeco	Công ty liên kết	Chi trả cổ tức	1.965.600.000
Tổng công ty Bia- rượu-NGK Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.672.020.500

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản công nợ đã được thanh toán hết với các bên liên quan.



2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương tiền	5.828.730.350	26.486.089.894	5.828.730.350	26.486.089.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.196.801.500	20.654.808.703	51.196.801.500	20.654.808.703
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Cộng	57.025.531.850	47.140.898.597	57.025.531.850	47.140.898.597
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	13.972.136.425	13.629.940.291	13.972.136.425	13.629.940.291
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	13.972.136.425	13.629.940.291	13.972.136.425	13.629.940.291

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

3. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và 31/12/2013.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:



	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	5.468.473.984	8.503.662.441	13.972.136.425
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	4.424.335.094	-	4.424.335.094
Phải trả khác	1.044.138.890	8.503.662.441	9.547.801.331
Chi phí phải trả	-	-	-
Số đầu năm	6.874.813.646	6.755.126.645	13.629.940.291
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	4.589.140.919	-	4.589.140.919
Phải trả khác	2.285.672.727	6.755.126.645	9.040.799.372
Chi phí phải trả	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Long Châu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung



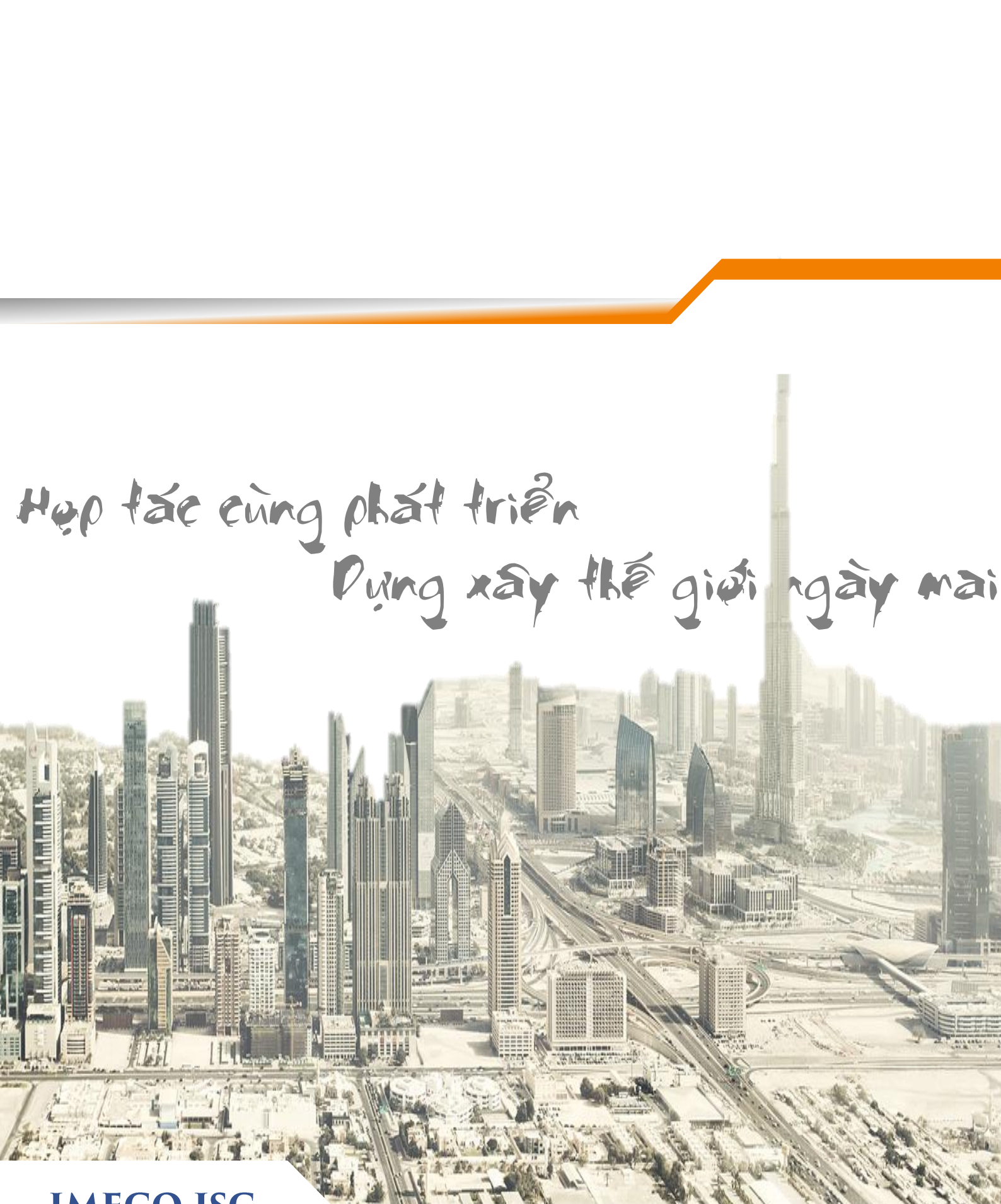


XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Quang Hải



Hợp tác cùng phát triển
Dựng xây thế giới ngày mai

IMECO JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 929-931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

SĐT: (84)-8-37173237 hoặc (84)-8-37173554 hoặc (84)-8-37173238

Fax: (84)-8-37173454 hoặc (84)-8-37173452

Email: imeco@hcm.vnn.vn

Website: www.imecovn.com.vn